

Số 33/2019/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVI KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;
Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
Xét Tờ trình số 4090/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và ban hành Nghị quyết về bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

(Có Quy định và các phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Nghị quyết ngày đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVI, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Cao Bằng;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đam Văn Eng



QUY ĐỊNH

Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33 /2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Bảng giá các loại đất được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân;

b) Tính thuế sử dụng đất;

c) Tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;

d) Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

đ) Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan Nhà nước thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai;

b) Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013;

c) Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

Điều 2. Phân loại xã, đô thị và đường phố để xác định giá

1. Phân loại xã

Việc xác định loại xã đối với đất nông nghiệp; đất ở tại nông thôn; đất thương mại dịch vụ tại nông thôn; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn được thực hiện theo 3 loại xã: Đồng bằng, trung du, miền núi, cụ thể như sau:

- Xã đồng bằng bao gồm xã, phường, thị trấn có mật độ dân số đông, kết cấu hạ tầng và điều kiện sản xuất, lưu thông hàng hóa thuận lợi nhất so với mặt bằng chung của tỉnh và mặt bằng tại các huyện, thành phố;

- Xã trung du là xã có mật độ dân số thấp hơn đồng bằng, kết cấu hạ tầng và điều kiện sản xuất, lưu thông hàng hóa không thuận lợi bằng xã đồng bằng;

- Xã miền núi là các xã còn lại.

(Chi tiết phân loại xã theo Phụ lục 01 đính kèm).

2. Phân loại đô thị

- Thành phố Cao Bằng là "Đô thị Loại III";

- Thị trấn các huyện tương đương với "Đô thị Loại V".

3. Phân loại đường phố:

Căn cứ vào vị trí, mức độ thuận lợi của kết cấu hạ tầng cho sinh hoạt đời sống, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khoảng cách tới khu trung tâm thương mại, dịch vụ gần nhất để xác định mức giá của từng loại đường, đoạn đường phố. Đường phố loại I có giá cao nhất; các đường phố tương ứng tiếp theo có mức giá giảm dần.

Số lượng loại đường phố:

- Thành phố Cao Bằng được chia ra làm 10 loại đường (Từ I đến X);

- Các thị trấn thuộc các huyện trên địa bàn tỉnh được chia ra làm 5 loại đường (Từ I đến V).

4. Trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã thì giá các loại đất được áp dụng thực hiện theo địa giới hành chính đã quy định tại thời điểm ban hành Bảng giá đất.

Chương II GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

Điều 3. Hệ thống Bảng giá các loại đất

Hệ thống Bảng giá các loại đất của 13 huyện, thành phố (có phụ lục số 02 đến 14 kèm theo) phân chia theo nhóm đất như sau:

1. Nhóm đất nông nghiệp

- Bảng 1: Bảng giá đất trồng lúa;
- Bảng 2: Bảng giá đất trồng cây hàng năm khác;
- Bảng 3: Bảng giá đất trồng cây lâu năm;
- Bảng 4: Bảng giá đất rừng sản xuất;
- Bảng 5: Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản.

2. Nhóm đất phi nông nghiệp

- Bảng 6: Bảng giá đất ở tại nông thôn;
- Bảng 7: Bảng giá đất ở đô thị;

Điều 4. Phụ lục Bảng giá các loại đất của 13 huyện, thành phố

Hệ thống Bảng giá các loại đất của 13 huyện, thành phố gồm:

1. Phụ lục số 2: Giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Bảo Lâm;
2. Phụ lục số 3: Giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Hà Quảng;
3. Phụ lục số 4: Giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Bảo Lạc;
4. Phụ lục số 5: Giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Nguyên Bình;
5. Phụ lục số 6: Giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Hòa An;
6. Phụ lục số 7: Giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Thông Nông;
7. Phụ lục số 8: Giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Hạ Lang;
8. Phụ lục số 9: Giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Thạch An;
9. Phụ lục số 10: Giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Trùng Khánh;
10. Phụ lục số 11: Giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Trà Lĩnh;
11. Phụ lục số 12: Giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Quảng Uyên;
12. Phụ lục số 13: Giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Phục Hòa;
13. Phụ lục số 14: Giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn Thành phố Cao Bằng.

Chương III

MỘT SỐ NỘI DUNG QUY ĐỊNH KHI XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT

Điều 5. Nhóm đất nông nghiệp

Căn cứ vào điều kiện kết cấu hạ tầng, điều kiện sản xuất của từng xã, mỗi xã được phân chia thành 03 vùng (không áp dụng cho đất rừng sản xuất), gồm: vùng 1, vùng 2, vùng 3 để làm căn cứ xác định giá của các loại đất.

- Vùng 1: Áp dụng cho các khu đất được tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc mép đường (đối với đường chưa có quy định về chỉ giới đường đỏ) của đường Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường trung tâm xã vào đến hết mét thứ 120;

- Vùng 2: Áp dụng cho các khu đất được tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc mép đường (đối với đường chưa có quy định về chỉ giới đường đỏ) của đường giao thông liên xã, đường giao thông thôn, xóm có độ rộng mặt đường $\geq 1,5$ m vào đến hết mét thứ 120; Các khu đất tiếp giáp với vùng 1 từ mét thứ 121 đến mét thứ 240;

- Vùng 3: Các khu đất còn lại của đất nông nghiệp.

Điều 6. Nhóm đất phi nông nghiệp

1. Đối với đất ở; đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị

a) Cách xác định vị trí:

- Vị trí 1: Các thửa đất mặt tiền tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc từ mép đường (đối với đường chưa có quy định chỉ giới) vào đến hết mét thứ 30 của các tuyến đường, trục đường (được quy định cụ thể tại bảng giá đất các huyện, thành phố);

- Vị trí 2: Các thửa đất mặt tiền tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc từ mép đường (đối với đường chưa có quy định chỉ giới) vào đến hết mét thứ 30, thuộc của các đường phố đường nhánh và các đường ngõ có chiều rộng mặt đường từ 3m trở lên;

- Vị trí 3: Các thửa đất mặt tiền tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc từ mép đường (đối với đường chưa có quy định chỉ giới) vào đến hết mét thứ 30, thuộc các đoạn đường phố, đường nhánh và các đường ngõ có chiều rộng mặt đường từ 2,5 m đến dưới 3m;

- Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại.

b) Giá đất thương mại, dịch vụ tại đô thị được tính bằng 80% bảng giá đất ở đô thị được xác định cùng vị trí;

c) Giá đất đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị được tính bằng 60% bảng giá đất ở đô thị được xác định cùng vị trí.

2. Đối với đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại nông thôn

a) Cách xác định vị trí:

- Vị trí 1: Các thửa đất mặt tiền tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc từ mép đường (đối với đường chưa có quy định chỉ giới) vào đến hết mét thứ 30, thuộc đường giao thông chính (Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện), các đường xung quanh chợ có chiều rộng từ 3m trở lên;

- Vị trí 2: Các thửa đất mặt tiền tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc từ mép đường (đối với đường chưa có quy định chỉ giới) vào đến hết mét thứ 30, thuộc đoạn đường giao thông, đường nhánh và các đường thôn, xóm có chiều rộng mặt đường trên 2m đến dưới 3m;

- Vị trí 3: Các thửa đất mặt tiền tính từ chỉ giới đường đỏ hoặc từ mép đường (đối với đường chưa có quy định chỉ giới) vào đến hết mét thứ 30, thuộc đoạn đường giao thông, đường nhánh và các đường thôn xóm có chiều rộng mặt đường từ 1m đến dưới 2m.

- Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại.

b) Giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn được tính bằng 80% bảng giá đất ở nông thôn được xác định cùng vị trí;

c) Giá đất đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại nông thôn được tính bằng 60% giá đất ở nông thôn được xác định cùng vị trí.

Điều 7. Xác định giá cho một số loại đất khác

1. Đất nuôi trồng thủy sản xen kẽ trong các thửa đất trồng lúa, giá đất được tính bằng giá thửa đất trồng lúa liền kề.

2. Trường hợp đất trồng cây hàng năm khác canh tác không thường xuyên (bỏ hoá không canh tác liên tục quá 3 năm) được tính bằng 0,5 lần so với giá đất tương ứng.

3. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp, xây dựng công trình sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng; đất phi nông nghiệp khác, đất xây dựng các công trình vào mục đích công cộng. Áp dụng theo giá đất ở liền kề (trường hợp không có giá đất liền kề thì xác định giá đất theo vị trí, đường phố đất ở đô thị, đất ở nông thôn).

4. Đối với đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh và các mục đích công cộng khác (không có các công trình xây dựng trên đất) thì căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất để quy định theo giá đất nông nghiệp liền kề (xác định theo loại xã và vùng).

5. Đất xây dựng nhà kho, chuồng trại của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không gắn liền với đất ở để chứa vật nuôi, nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp thì giá đất được quy định bằng mức giá đất nông nghiệp liền kề có mức giá cao nhất (xác định theo loại xã và vùng).

6. Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: mức giá được quy định bằng giá của loại đất nông nghiệp liền kề (trường hợp liền kề với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ thì tính bằng giá đất rừng sản xuất). Trường hợp liền kề với nhiều loại đất khác nhau thì giá được quy định bằng giá của loại đất nông nghiệp có mức giá cao nhất.

Điều 8. Xác định giá đất cho một số trường hợp cụ thể

1. Áp dụng đối với đất nông nghiệp

a) Đối với các thửa đất liền kề giữa hai loại xã khác nhau và hai vùng khác nhau trong cùng một xã thì giảm giá của loại xã, vùng có mức giá cao hơn từ 0,95 đến 0,9. Mức giảm mỗi lần là 0,05 áp dụng cho chiều dài 50m;

b) Các thửa đất nằm trong cùng vùng đất nhưng thửa đất có độ chênh (cao, thấp) so với mặt đường liền kề từ 3m-5m thì giá đất tính bằng 0,9 lần giá đất vị trí tương ứng của vùng; từ 5m trở lên giá đất tính bằng 0,8 lần giá đất vị trí tương ứng của vùng;

c) Đối với thửa đất tiếp giáp hai vùng có giá khác nhau thì áp dụng theo vùng có giá cao nhất;

d) Đối với đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thì được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trường hợp chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được quy định bằng mức giá đất trồng cây lâu năm;

đ) Đất nông nghiệp (không bao gồm đất rừng sản xuất) trong khu vực thị trấn và khu vực cửa khẩu đã được phê duyệt quy hoạch chung tỷ lệ 1:2000 (đến

thời điểm ban hành bảng giá đất) của các huyện được nhân với hệ số $k=1,25$ giá trong bảng giá đất.

2. Áp dụng đối với đất phi nông nghiệp

a) Trường hợp thửa đất tiếp giáp với nhiều loại đường phố, nhiều loại xã (hoặc nhiều vị trí) thì thửa đất đó được tính theo loại đường phố, loại xã (hoặc vị trí đất) có mức giá cao nhất;

b) Trường hợp trong cùng thửa đất có chiều sâu lớn hơn 30m thì giá đất vị trí tiếp theo được tính bằng 0,8 lần so với vị trí trước (áp dụng cho mỗi lần giảm là 30m);

c) Thửa đất không thuộc mặt tiền của vị trí 1 và vị trí 2 của đường phố chính, đường nhánh nhưng nằm trong cự li 30 m đầu thì được tính theo giá của vị trí thấp hơn liền kề (áp dụng cho cả đất liền thửa và không liền thửa của vị trí 1 và vị trí 2);

d) Cùng vị trí đất và loại đường phố, loại xã nhưng thửa đất có độ chênh (cao, thấp) so với đường phố, loại xã (hoặc mặt bằng chung khu vực) từ 3m đến dưới 5m thì giá đất được tính bằng 0,8 lần giá vị trí đất tương ứng, từ 5m trở lên thì giá đất được tính bằng giá đất vị trí tiếp theo (áp dụng cho các vị trí 1, 2, 3);

đ) Đối với các vị trí đất liền kề giữa hai loại đường phố, theo trục đường khu vực nông thôn có mức giá theo thứ tự giảm dần (không cách biệt) thì nâng giá của vị trí đất liền kề thuộc đường phố có mức giá thấp hơn từ 1,2 đến 1,05 lần theo thứ tự giảm dần. Mức giảm mỗi lần là 0,05 áp dụng cho chiều dài 30m (áp dụng cho cả đất liền kề cùng loại xã, xã tiếp giáp với thành phố, thị trấn, giữa hai loại xã khác nhau);

e) Đối với các vị trí đất liền kề giữa hai loại đường phố, theo trục đường khu vực nông thôn có mức giá theo thứ tự giảm dần (không cách biệt) thì nâng giá của vị trí đất liền kề thuộc loại đường có mức giá thấp hơn từ 1,2 đến 1,05 lần theo thứ tự giảm dần. Mức giảm mỗi lần là 0,05 áp dụng cho chiều dài 30m (áp dụng cho cả đất liền kề cùng xã, xã tiếp giáp thành phố, thị trấn, giữa hai loại xã khác nhau);

h) Đối với đường phố, đường khu vực nông thôn chưa quy định cụ thể trong bảng giá đất thì căn cứ vào đường phố, đường khu vực nông thôn, vị trí đất liền kề có mức giá cao nhất để xác định giá vị trí đó theo mức giá thấp hơn liền kề.



Đàm Văn Eng

PHỤ LỤC SỐ 01

PHÂN LOẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG
 (Kèm theo Nghị quyết số 33/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019
 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Tên xã, phường, thị trấn	Số lượng các xã
		Xã đồng bằng	23
		Xã trung du	42
		Xã miền núi	134
		TOÀN TỈNH	199
I	HUYỆN BẢO LÂM		
	Xã trung du		
1		Thị trấn Pác Miầu	
2		Xã Lý Bôn	
	Xã miền núi		
3		Xã Mông Ân	
4		Xã Đức Hạnh	
5		Xã Nam Cao	
6		Xã Nam Quang	
7		Xã Quảng Lâm	
8		Xã Tân Việt	
9		Xã Thạch Lâm	
10		Xã Thái Học	
11		Xã Thái Sơn	
12		Xã Vĩnh Phong	
13		Xã Vĩnh Quang	
14		Xã Yên Thổ	
II	HUYỆN HÀ QUẢNG		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Xuân Hoà	
	Xã trung du		
2		Xã Trường Hà	
3		Xã Nà Sác	
4		Xã Sóc Hà	
5		Xã Đào Ngạn	
6		Xã Phù Ngọc	
	Xã miền núi		
7		Xã Cải Viên	
8		Xã Hạ Thôn	
9		Xã Hồng Sỹ	
10		Xã Kéo Yên	
11		Xã Lũng Nặm	
12		Xã Mã Ba	
13		Xã Nội Thôn	



14		Xã Quý Quân	
15		Xã Sỹ Hai	
16		Xã Tổng Cột	
17		Xã Thượng Thôn	
18		Xã Vân An	
19		Xã Vân Đình	
III	HUYỆN BẢO LẠC		
	Xã trung du		
1		Thị trấn Bảo Lạc	
	Xã miền núi		
2		Xã Hồng Trị	
3		Xã Bảo Toàn	
4		Xã Cô Ba	
5		Xã Cốc Pàng	
6		Xã Đình Phùng	
7		Xã Hồng An	
8		Xã Huy Giáp	
9		Xã Hưng Đạo	
10		Xã Hưng Thịnh	
11		Xã Kim Cúc	
12		Xã Khánh Xuân	
13		Xã Phan Thanh	
14		Xã Sơn Lập	
15		Xã Sơn Lộ	
16		Xã Thượng Hà	
17		Xã Xuân Trường	
IV	HUYỆN NGUYỄN BÌNH		
	Xã trung du		
1		Thị trấn Nguyễn Bình	
	Xã miền núi		
2		Thị trấn Tĩnh Túc	
3		Xã Bắc Hộc	
4		Xã Minh Thanh	
5		Xã Minh Tâm	
6		Xã Thề Dục	
7		Xã Lang Môn	
8		Xã Ca Thành	
9		Xã Hoa Thám	
10		Xã Hưng Đạo	
11		Xã Mai Long	
12		Xã Phan Thanh	
13		Xã Quang Thành	
14		Xã Tam Kim	
15		Xã Thái Hộc	
16		Xã Thành Công	
17		Xã Thịnh Vượng	

H.0

18		Xã Triệu Nguyên	
19		Xã Vũ Nông	
20		Xã Yên Lạc	
V	HUYỆN HÒA AN		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Nước Hai	
2		Xã Bế Triều	
3		Xã Đức Long	
	Xã trung du		
4		Xã Bình Long	
5		Xã Hồng Việt	
6		Xã Hoàng Tung	
7		Xã Nam Tuấn	
8		Xã Dân Chủ	
	Xã miền núi		
9		Xã Hồng Nam	
10		Xã Bạch Đằng	
11		Xã Đại Tiến	
12		Xã Lê Chung	
13		Xã Nguyễn Huệ	
14		Xã Bình Dương	
15		Xã Công Trùng	
16		Xã Đức Xuân	
17		Xã Hà Tri	
18		Xã Ngũ Lão	
19		Xã Quang Trung	
20		Xã Trung Vương	
21		Xã Trương Lương	
VI	HUYỆN THÔNG NÔNG		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Thông Nông	
	Xã trung du		
2		Xã Lương Can	
	Xã miền núi		
3		Xã Cản Nông	
4		Xã Cản Yên	
5		Xã Ngọc Động	
6		Xã Vị Quang	
7		Xã Yên Sơn	
8		Xã Lương Thông	
9		Xã Đa Thông	
10		Xã Bình Lãng	
11		Xã Thanh Long	
VII	HUYỆN HẠ LANG		



	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Thanh Nhật	
	Xã trung du		
2		Xã Việt Chu	
3		Xã Quang Long	
4		Xã Thị Hoa	
5		Xã Lý Quốc	
	Xã miền núi		
6		Xã An Lạc	
7		Xã Cô Ngân	
8		Xã Đồng Loan	
9		Xã Đức Quang	
10		Xã Kim Loan	
11		Xã Minh Long	
12		Xã Thái Đức	
13		Xã Thắng Lợi	
14		Xã Vinh Quý	
VIII	HUYỆN THẠCH AN		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Đông Khê	
	Xã trung du		
2		Xã Lê Lai	
3		Xã Đức Xuân	
4		Xã Đức Long	
5		Xã Vân Trình	
6		Xã Kim Đồng	
7		Xã Thị Ngân	
	Xã miền núi		
8		Xã Canh Tân	
9		Xã Danh Sỹ	
10		Xã Đức Thông	
11		Xã Lê Lợi	
12		Xã Minh Khai	
13		Xã Quang Trọng	
14		Xã Thái Cường	
15		Xã Thụy Hùng	
16		Xã Trọng Con	
IX	HUYỆN TRÙNG KHÁNH		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Trùng Khánh	
	Xã trung du		
2		Xã Chí Viễn	
3		Xã Cảnh Tiên	
4		Xã Phong Châu	
5		Xã Đức Hồng	
6		Xã Thông Huệ	

110

7		Xã Đình Minh	
	Xã miền núi		
8		Xã Đàm Thủy	
9		Xã Lăng Hiếu	
10		Xã Đình Phong	
11		Xã Khâm Thành	
12		Xã Đoài Côn	
13		Xã Lăng Yên	
14		Xã Thân Giáp	
15		Xã Cao Thăng	
16		Xã Ngọc Côn	
17		Xã Ngọc Chung	
18		Xã Ngọc Khê	
19		Xã Phong Nặm	
20		Xã Trung Phúc	
X	HUYỆN TRÀ LĨNH		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Hùng Quốc	
	Xã trung du		
2		Xã Cao Chương	
	Xã miền núi		
3		Xã Quang Hán	
4		Xã Quốc Toàn	
5		Xã Cô Mười	
6		Xã Lưu Ngọc	
7		Xã Quang Trung	
8		Xã Quang Vinh	
9		Xã Tri Phương	
10		Xã Xuân Nội	
XI	HUYỆN QUẢNG UYÊN		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Quảng Uyên	
2		Xã Quốc Phong	
	Xã trung du		
3		Xã Chí Thảo	
4		Xã Độc Lập	
5		Xã Phúc Sen	
6		Xã Quảng Hưng	
7		Xã Bình Lăng	
8		Xã Quốc Dân	
	Xã miền núi		
9		Xã Hồng Định	
10		Xã Cai Bộ	
11		Xã Tự Do	
12		Xã Đoài Khôn	
13		Xã Hạnh Phúc	



10/2

14		Xã Hoàng Hải	
15		Xã Hồng Quang	
16		Xã Ngọc Động	
17		Xã Phi Hải	
XII	HUYỆN PHỤC HOÀ		
	Xã đồng bằng		
1		Thị trấn Hòa Thuận	
2		Thị trấn Tà Lùng	
	Xã trung du		
3		Xã Đại Sơn	
4		Xã Mỹ Hưng	
5		Xã Cách Linh	
	Xã miền núi		
6		Xã Hồng Đại	
7		Xã Lương Thiện	
8		Xã Tiên Thành	
9		Xã Triệu Âu	
XIII	THÀNH PHỐ CAO BẰNG		
	Xã đồng bằng		
1		Phường Duyệt Trung	
2		Phường Đề Thám	
3		Phường Hòa Chung	
4		Phường Hợp Giang	
5		Phường Ngọc Xuân	
6		Phường Sông Bằng	
7		Phường Sông Hiến	
8		Phường Tân Giang	
9		Xã Hưng Đạo	
10		Xã Vĩnh Quang	
	Xã trung du		
11		Xã Chu Trinh	

KH



PHỤ LỤC SỐ 2

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020-2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO LÂM

(Kèm theo Nghị quyết số 33/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Trung Du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	65	45	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	45	32	18
2	Xã Miền Núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	61	42	24
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55	39	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	39	27	15

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Trung Du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	42	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	42	29	17
2	Xã Miền Núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	51	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	25	14

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Trung Du	CLN	57	40	23
2	Xã Miền Núi	CLN	48	34	19

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
			Vùng 1
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xã Trung Du		
	Đất rừng sản xuất	RSX	11
2	Xã Miền Núi		
	Đất rừng sản xuất	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Trung Du	NTS	41	28	16
2	Xã Miền Núi	NTS	35	25	14

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Xã Trung Du				
1	Xã Lý Bôn				
	Đất mặt tiền từ nhà ông Lữ Minh Tâm (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 215) đến ngã ba đầu cầu quốc lộ 4c, ngã ba đường rẽ vào chợ đến hết Bưu điện văn hóa xã	420	315	236	189
	Đất thuộc khu vực trung tâm chợ xã Lý Bôn	420	315	236	189
	Đất mặt tiền từ Bưu điện văn hóa xã đến nhà ông Nông Văn Lực (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 200) (bên xóm Nà Pồng)	358	269	201	161
	Đất mặt tiền từ nhà bà Tô Thị Hương (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 216) cột sóng Viettel đến cây xăng Lý Bôn	358	269	201	161
	Đất mặt tiền từ Cây xăng Lý Bôn đến hết địa phận xã Lý Bôn theo quốc lộ 34	358	269	201	161
	Đất mặt tiền từ nhà ông Lữ Minh Tâm (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 215) dọc theo Quốc lộ 34 đến nhà ông Nông Văn Thành (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 241) - Pác Kín xóm Nà Pồng	358	269	201	161
	Đất mặt tiền từ nhà ông Nông Văn Thành (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 241) đến ngã ba đường rẽ đi xã Vĩnh Phong	270	203	152	122
	Đất mặt tiền từ cầu Lý Bôn dọc theo quốc lộ 4c (bên xóm Nà Mạt) đến hết địa phận xóm Nà Mạt theo quốc lộ 4c.	270	203	152	122
	Đoạn đường ô tô đi lại được xung quanh trường cấp II III Lý Bôn	196	147	110	88
	Đất mặt tiền từ dọc quốc lộ 4c chạy qua các xóm Tổng Ác, Pác Rà, Khuổi Vin, đến đầu cầu Nà Tông.	196	147	110	88

HL

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Đất mặt tiền chạy từ ngã ba quốc lộ 4c đến đường rẽ đi xóm Phiêng Pên (đi qua các xóm Nà Kháng, Pác Pét, Phiêng Pên, Phiêng Lùng, Phiêng Dăm)	196	147	110	88
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 4c qua đường rẽ xóm Pác Rà đến xóm Nà Mỹ	196	147	110	88
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 4c đường rẽ xóm Nà Tông, Nà Mầu, Đông Sang	196	147	110	88
	Đoạn từ ngã ba Pác Ruộc đi xã Đức Hạnh (đi các xóm Nà Mạt Khuổi Bon)	196	147	110	88
	Đoạn đường từ Nà Sài, Pác Ruộc đầu cầu treo xóm Nà Tôm bên xóm Pác Ruộc	196	147	110	88
II	Xã Miên Núi				
1	Xã Mông Ân				
	Các vị trí đất mặt tiền khu vực trung tâm xã	230	173	129	104
	Đất mặt tiền đoạn từ thị trấn Pác Miếu đến đường rẽ lên UBND Xã Mông Ân (đi qua các xóm Lũng Vài, Nà Bon)	230	173	129	104
	Đất mặt tiền đoạn từ đường rẽ lên UBND Xã Mông Ân đến cầu Nà Làng (đi qua xóm Nà Làng)	230	173	129	104
	Đất mặt tiền đoạn ngã ba đường rẽ nhà ông Sùng Văn Lông (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 55) đến trường tiểu học xóm Lũng Vài	230	173	129	104
	Đất mặt tiền từ ngã ba đường rẽ đi xóm Nà Pồng vào đến nhà ông Hoàng Văn Thén (thửa đất số 130, tờ bản đồ số 136)	230	173	129	104
	Đất mặt tiền từ ngã ba xóm Đon Sài, Nà Pồng đến giáp xóm Khau Dề xã Thái Sơn	230	173	129	104
2	Xã Vinh Phong				
	Đất mặt tiền dọc đường rẽ Quốc lộ 34 theo đường vào xã đến xóm Bản Phườn mà ô tô đi lại được.	230	173	129	104

HLC

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Đất mặt tiền từ xóm Nà Hù đến trụ sở UBND xã Vĩnh Phong	230	173	129	104
	Đất mặt tiền dọc theo đường từ xóm Phiên Diềm đến trường tiểu học xóm Phia Tráng	230	173	129	104
	Đất mặt tiền dọc theo đường từ UBND xã đến xóm Ến Nội	230	173	129	104
	Tuyến đường đất mặt tiền dọc theo đường liên xóm từ xóm Ến Ngoại đi trường tiểu học xóm Ến Cỏ	230	173	129	104
	Tuyến đường đất mặt tiền dọc theo đường liên xóm từ xóm Bản Phườn đến trường tiểu học xóm Nặm Tăn	230	173	129	104
3	Xã Vĩnh Quang				
	Đất mặt tiền xung quanh khu chợ Nà Tôm;	270	203	152	122
	Đoạn mặt tiền dọc theo Quốc lộ 34 từ ngã ba đường mới rẽ vào xã Vĩnh Quang về phía Bảo Lạc đến hết nhà ông Sâm Văn Thiết (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 03), về phía Bảo Lâm đến hết nhà bà Liên Thị Nhâm (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 03) (Nà Tôm);	270	203	152	122
	Đất mặt tiền từ ngã ba đường rẽ lên trụ sở Ủy ban nhân dân đến hết Trạm Y tế xã và toàn bộ khu vực mặt tiền chợ xã.	270	203	152	122
	Đất mặt tiền từ tiếp Trạm Y tế xã đến hết xóm Bản Miều;	230	173	129	104
	Đất mặt tiền đoạn đường từ nhà ông Sâm Văn Thiết (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 03) theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Vĩnh Quang (giáp huyện Bảo Lạc).	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Ngàm Cá, Thiêng Nà, Cốc Tém, Khuổi Nậy, Đông Kẹn	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Nà Ngà, Khuổi Rò, Nặm Lạn, Nà Hiên, Khâu Sáng	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Khâu Cườm - Nà Hù	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tuyến đường liên xóm Khâu Cườm - Phía Nà	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Bản Cài - Nà Pháo	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Khâu Cườm - Pác Đoạ	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Ngâm Cá - Ấc È	230	173	129	104
	Tuyến đường ngã ba Khau Sáng - Nặm Uôm	230	173	129	104
	Tuyến đường Đông Kẹn - Nà Lầu	230	173	129	104
	Tuyến đường ngã ba Khau Sáng - Kim Cúc, Bảo Lạc đoạn từ ngã ba Khau Sáng đến hết địa giới xã Vĩnh Quang	230	173	129	104
4	Xã Đức Hạnh				
	Đất mặt tiền đường giao thông huyện lộ thuộc xóm Cốc Phung	230	173	129	104
	Tuyến đường huyện lộ giáp Bảo Toàn qua Xóm Đội Lý đến xóm Cốc Phung	230	173	129	104
	Tuyến đường xóm Cốc Phung đi xóm Nà Sa đến xóm Chè Lý A	230	173	129	104
	Tuyến đường xóm Cốc Phung qua xóm Nà Hu đến xóm Hát Han	230	173	129	104
	Tuyến đường xóm Đội Lý qua Cà Pén B, Cà Pén A	230	173	129	104
	Tuyến đường xóm Đội Lý qua ngã ba Ngâm Trái đến xóm Cà Đồng	230	173	129	104
	Tuyến đường qua xóm Chè Lý A đến xóm Hát Han	230	173	129	104
5	Xã Yên Thổ				
	Đất mặt tiền xung quanh khu chợ Bản Trang;	270	203	152	122
	Đất mặt tiền đường giao thông của xóm Bản Trang I	270	203	152	122
	Đất dọc đường giao thông huyện lộ từ ranh giới xã Thái Học đến đầu xóm Bản Trang I.	230	173	129	104
	Tuyến đường từ trung tâm xóm Lũng Cuối đi Chòm Xóm	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tuyến đường liên xóm Bản Chang I - Bản Chang II - Nà Sài	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Bản Vàng - Nà Sài	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Khuổi Sáp - Khuổi Chuông	230	173	129	104
6	Xã Quảng Lâm				
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông huyện lộ từ đầu cầu treo xã Quảng Lâm đến giáp ranh xã Thạch Lâm	270	203	152	122
	Đường giao thông nội Xóm Bản Nà (Từ ngã ba chân dốc Xóm Bản Nà nhà ông Dương Văn Tài (thửa đất số 47, tờ bản đồ số 178) đến hết đoạn nhà ông Hoàng Văn Thành (thửa đất số 85, tờ bản đồ số 150) giáp nhà ông Hoàng Văn Đông)	270	203	152	122
	Từ đầu cầu Quảng Lâm đi vào hết đoạn đường nhà ông Lân Văn Phong (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 196)	270	203	152	122
	Tuyến đường từ nhà ông Hoàng Bảo Lê (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 180) đi hết đoạn đường giao thông lên Khau Củng, xóm Phiêng Mường	270	203	152	122
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm Tổng Ngoảng đến xóm Tổng Chảo (Từ nhà ông Lý Văn Lập (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 133) đầu ngõ của xóm đến phân trường Tổng Chảo)	270	203	152	122
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm Tổng Ngoảng đến nhà văn hóa xóm Phiêng Phát (Từ đường rẽ nhà ông Lục Tuyên Ngôn (thửa đất số 30, tờ bản đồ số 133) xóm Tổng Ngoảng đến nhà văn hóa xóm Phiêng Phát)	270	203	152	122
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm từ đầu cầu xóm Phiêng Mường đi hết đoạn đường giao thông đường lên Khau Củng	270	203	152	122
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm từ đầu cầu Pác Khuổi đến đầu cầu treo xóm Nặm Miông	270	203	152	122

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
7	Xã Tân Việt				
	Đất mặt đường thuộc trung tâm xã - xóm Nà Pù.	230	173	129	104
	Tuyến đường từ đầu cầu Nà Đáng đến đèo Tà Sa, xóm Khuổi Qua	230	173	129	104
8	Xã Nam Quang				
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông thuộc xóm Tổng Phườn	270	203	152	122
	Đất mặt đường từ xóm Nà Phạ đến xóm Đôn Sài (trừ đoạn qua xóm Tổng Phườn) mà ô tô đi lại được.	230	173	129	104
9	Xã Thạch Lâm				
	Đất mặt tiền xung quanh chợ Bản Luây	270	203	152	122
	Tuyến đường từ đầu cầu cứng gần nhà ông Dương Văn Sơn (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 227) - xóm Tổng Dùn qua UBND xã đến đầu cầu cứng xóm Sác Ngà	270	203	152	122
	Tuyến đường từ ngã ba Sác Ngà đi xóm Khau Noong đến xóm Lũng Kim	270	203	152	122
	Tuyến đường từ ngã ba đầu cầu Chợ Bản Luây đi đến xóm Cốc Páp	270	203	152	122
10	Xã Thái Sơn				
	Đoạn đường từ đầu cầu cứng gần chợ đến UBND Xã Thái Sơn	230	173	129	104
	Đoạn đường từ giáp ranh xã Thái Học đến đầu cầu cứng gần chợ	230	173	129	104
	Đoạn đường từ UBND Xã Thái Sơn đến Trường THCS Thái Sơn	230	173	129	104
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ đi Nà Bả (trong xóm Nặm Trà) đến Trường Tiểu học Lũng Trang	230	173	129	104
	Từ ngã ba Nà Nàng đi đến điểm trường Nà Bó	230	173	129	104
	Đoạn đường từ Trường Tiểu học Khau Dề tới xóm Bản Lìn	230	173	129	104
	Tuyến đường liên xóm Nặm Trà - Nà Bả	230	173	129	104

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Đoạn đường từ ngã ba gần Trường THCS Thái Sơn theo đường đi xóm Khuổi Đuốc tới xóm Nà Lóm	230	173	129	104
11	Xã Nam Cao				
	Đoạn từ trường THCS Nam Cao đến dọc đường trung tâm chợ Phia Cọ	230	173	129	104
	Tuyến đường Phia Cọ - Bản Cao - Nà Mon đi xã Ngọc Long thuộc tỉnh Hà Giang	230	173	129	104
	Tuyến đường Phia Cọ đi 2 xóm Bản Bung - Phia Cò	230	173	129	104
	Tuyến đường từ xóm Bản Bung đi đến địa giới hành chính xóm Nà Nhuôm thuộc xã quản lý	230	173	129	104
	Tuyến đường từ xóm Phia Cọ đi 2 xóm Khuổi Pịat - Nặm Đang	230	173	129	104
12	Xã Thái Học				
	Đất mặt tiền từ trường Bán trú đến đầu cầu đi Yên Thổ;	420	315	236	189
	Đất mặt tiền xung quanh khu vực chợ.	420	315	236	189
	Đất mặt tiền từ ngã ba giáp nhà ông Vũ Ngọc Pha (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 92) theo đường đi xã Thái Sơn đến đường rẽ lên trụ sở UBND xã Thái Học	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Bản Pó đến Trường Bán trú Thái Học.	230	173	129	104
	Đất mặt tiền đường giao thông Bản Bó đi xã Thái Sơn đến hết địa giới xã Thái Học.	196	147	110	88



BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊĐơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Thị trấn Pác Miều				
1	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến (thửa đất số 74, tờ bản đồ 147) đến hết đất của Kho bạc Nhà nước;				
	Đoạn đường từ Kho Bạc Nhà nước đến ngã ba đường rẽ lên UBND huyện;	1.360	1.020	765	536
	Các vị trí đất mặt tiền xung quanh khu vực chợ.				
2	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường tiếp từ đường rẽ lên UBND huyện đến công chào Khu 4				
	Đoạn đường tiếp ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến (thửa đất số 74, tờ bản đồ 147) theo Quốc lộ 34 đi tỉnh Hà Giang đến công chào khu 2	982	737	552	387
	Đoạn đường tiếp ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến (thửa đất số 74, tờ bản đồ 147) lên chân dốc lên trường tiểu học-Trung học cơ sở				
3	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ chân dốc lên trường tiểu học-Trung học cơ sở (tiếp đất nhà bà Sầm Thị Tươi (thửa đất số 115, tờ bản đồ số 153) đến ngã ba đường đi xã Mông Ân đi tiếp vào trường Nội trú.	710	533	399	280
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ đi xã Mông Ân đến đường rẽ vào mỏ đá Tu Lũng (Khu 1)				
	Đoạn đường từ nhà bà Lãnh Thị Nguyệt (thửa đất số 3, tờ bản đồ số 96) đi công sau Công ty CKC				
	Đoạn đường giao thông đi xóm Mạ Rại bắt đầu từ ngã ba rẽ vào khu tập thể UBND huyện (thường gọi là khu tập thể Mạ Rại) đến trung tâm xóm Mạ Rại	560	420	315	221
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 đi xóm Phiêng Phay, đến trung tâm xóm Phiêng Phay				
	Đoạn đường từ Công chào Khu 4 theo Quốc lộ 34 đi xóm Nà Ca, tới trung tâm xóm Nà				

110

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Ca				
	Đoạn từ trung tâm xóm Nà Ca theo Quốc lộ 34 (hướng đi Bảo Lạc) đến hết địa giới hành chính của thị trấn (giáp xã Lý Bôn)				
	Đoạn đường từ cổng chào khu 2 theo Quốc Lộ 34 hướng đi Hà Giang đến hết đất nhà bà Lãnh Thị Nguyệt (thửa đất số 3, tờ bản đồ số 96)				
	Đoạn đường tiếp từ đường rẽ vào mỏ đá Tu Lũng đến hết địa giới thị trấn Pác Miầu (giáp xã Mông Ân)				
	Đoạn đường từ cổng sau Công ty CKC đến giáp ranh xã Thái Học				

120





PHỤ LỤC SỐ 3
BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÀ QUẢNG
 (Kèm theo Nghị quyết số 33/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019
 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	96	67	38
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	76	53	30
	Đất trồng lúa nương	LUN	53	37	22
2	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	84	60	34
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	66	47	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	47	32	19
3	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	54	38	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	38	26	16

BẢNG 2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	68	48	28
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	48	34	19
2	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	41	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	41	29	17
3	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	50	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	24	14

BẢNG 3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	CLN	62	46	32

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
2	Xã trung du	CLN	53	37	22
3	Xã miền núi	CLN	44	31	18

BẢNG 4. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất
1	Xã đồng bằng	RXS	13
2	Xã trung du	RXS	11
3	Xã miền núi	RXS	9

BẢNG 5. GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã trung du	NTS	38	28	16
3	Xã miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã Trung Du				
1	Xã Đào Ngạn				
	Đoạn từ đỉnh dốc Pá Deng theo trục đường chính qua xã đến hết nhà bà Vi Thị Nanh (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 9) (xóm Bản Nưa)				
	Đoạn từ ngã ba Phía Hính qua xóm Kéo Chang đến xóm Kê Hiệt đến hết đất nhà ông Vương Văn Tường (thửa đất số 295, tờ bản đồ số 27) (xóm Kê Hiệt)	358	269	201	161
	Đoạn từ đường chính gốc cây đa rẽ vào đến hết chân đập Hồ Bản Nưa				
2	Xã Phù Ngọc				
	Từ đường Hồ Chí Minh theo đường vào cổng trường Trung học Phổ thông Nà Giàng đến cổng trường				
	Từ cổng nước (cua Cốc Đúc) trên nhà ông Triệu Văn Thuật theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến đỉnh dốc Sam Kha	734	551	413	330
	Từ ngã ba trục đường Hồ Chí Minh theo đường				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	liên xã Phù Ngọc - Hạ Thôn đến chân dốc Noóc Mò				
	Từ trục đường chính Hồ Chí Minh rẽ vào chợ và xung quanh chợ				
	Từ đất nhà ông Nông Văn Chín (xóm Cốc Chủ) theo đường Hồ Chí Minh đi xuống đến hết mốc ranh giới xã Phù Ngọc giáp xã Nam Tuấn huyện Hoà An (Khau Mát)	640	480	360	288
	Từ cống nước (cua Cốc Đúc) theo trục đường Hồ Chí Minh lên đến điểm mốc ranh giới thị trấn Xuân Hoà (dốc Kéo Mạ)				
	Đoạn đường từ ngã ba đường Hồ Chí Minh theo đường vào Trạm y tế đến ngã ba đường rẽ lên trường Tiểu học Nà Giàng và Trạm y tế	420	315	236	189
	Từ đỉnh dốc Sam Kha theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến Nà Lum xóm Cốc Chủ (giáp đất nhà ông Nông Văn Chín xóm Cốc Chủ)				
	Đường Phù Ngọc - Đào Ngạn đoạn từ tiếp giáp với đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Phù Ngọc (đỉnh dốc Pá Deng)				
3	Xã Trường Hà				
	Đoạn từ tiếp giáp thị trấn Xuân Hòa theo đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến hết đường rẽ vào bản Hoong				
	Đoạn đường từ trung tâm chợ xã Trường Hà theo đường đi Pác Bó đến hết nhà ông Hoàng Văn Duy (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 15) (xóm Bó Bầm)	420	315	236	189
	Từ sân Bảo tàng Pác Bó theo đường nội vùng Pác Bó đến điểm trường Pác Bó				
	Đoạn đường đi bộ Hồ Chí Minh từ đầu xóm Nà Kéo đi qua khu di tích Kim Đồng đến hết xóm Hoàng 2				
	Đoạn đường từ đường rẽ vào Bản Hoong (thửa đất số 49, tờ bản đồ số 50) theo đường Hồ Chí Minh đến chợ xã Trường Hà				
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (chân dốc Kéo Già) theo đường làng nghề, làng du lịch qua cầu Nà Rài đến hết nhà bà La Thị Bích (thửa đất số 163, tờ bản đồ số 36)	358	269	201	161
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) (trước nhà ông Đàm Nông Cháp (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 40) theo đường làng nghề, làng du lịch đến cầu Bản Hoong				
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (Nhà văn hoá xóm Nà Mạ) theo đường vào đồi Thoong Mạ đến đầu				

HCE

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	cầu bên kia suối				
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo đường vào Nhà máy Thủy điện Bản Hoàng đến cổng nhà máy				
	Đoạn đường Nà Piài xóm Bản Hoong từ đầu nhà ông Bế Văn Sóng (thửa đất số 528, tờ bản đồ số 37) đến giáp biển báo đường vành đai biên giới				
4	Xã Nà Sác				
	Đoạn đường từ đầu cầu Đôn Chương theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Nà Sác (giáp xã Sóc Hà)	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba đường vào trụ sở UBND xã Nà Sác đến ngã ba Ngâm Sinh	358	269	201	161
5	Xã Sóc Hà				
	Đoạn trục đường chính từ nhà ông Nông Văn Ca (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 18) đến trạm liên hợp cửa khẩu				
	Đoạn từ đường tròn cửa khẩu (nhà ông Hoàng Văn Đức (thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8)) đến cống thoát nước tại thửa ruộng ông Nông Văn Quỳnh (thửa đất số 224, tờ bản đồ số 26))	1.560	1.170	878	702
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh tiếp giáp với ruộng ông Nông Văn Quỳnh (thửa đất số 224, tờ bản đồ số 26)) theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết ngã ba giáp xã Nà Sác				
	Đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Nông Văn Ca (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 18) theo đường trục chính đến đường rẽ vào cầu Cốc Vường	936	702	527	421
	Đoạn đường từ đường rẽ vào cầu Cốc Vường theo đường 203 cũ đến hết đất trường mẫu giáo xã				
	Từ phòng khám đa khoa theo trục đường chính vào cửa khẩu đến nhà mầm non của xã	734	551	413	330
	Từ ngã ba trục chính đi vào cửa khẩu, rẽ vào chợ đến đầu cầu Pác Sào (cầu Pháp cũ) xóm Nà Nghiêng				
	Đoạn từ phòng khám đa khoa theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Sóc Hà (giáp xã Nà Sác)	600	450	338	270
	Đường tránh từ đầu cầu Thua Mo đến cầu Nà Nghiêng				
	Đoạn từ đầu cầu Pác Sào (cầu Pháp cũ) theo đường đi xóm Nà Cháo đến nhà ông Triệu Văn Tiết (thửa đất số 269, tờ bản đồ số 69) (xóm Nà Cháo)	420	315	236	189
	Từ ngã ba rẽ vào cầu Cốc Vường theo đường vành đai đến nhà cộng đồng xóm Nà Phái				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh từ nhà ông				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Nông Hoàng Thành (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 8) theo đường tuần tra biên giới đến đường rẽ vào nhà bà Dương Thị Trinh (thửa đất số 262, tờ bản đồ số 8) khu vực Nà Cà xóm Địa Lan				
	Đoạn đường Nà Nghiêng – Lũng Cùm từ cầu Pháp cũ (xóm Nà Nghiêng) đến hết đám ruộng ông Nông Văn Viễn (thửa đất số 204, tờ bản đồ số 44) (xóm Nà Nghiêng)				
II	Xã Miền Núi				
1	Xã Tổng Cột				
	Đoạn từ chợ Trâu bò (ngã ba rẽ vào Trường trung học cơ sở Tổng Cột) đến ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai, đường rẽ vào chợ và xung quanh chợ	420	315	236	189
	Đoạn từ chợ Trâu bò xuống đến hết Trường tiểu học				
	Đoạn từ trường tiểu học theo Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Tổng Cột giáp xã Cô Mười (huyện Trà Lĩnh)				
	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai theo Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Tổng Cột	358	269	201	161
	Quốc lộ 4A theo đường phân giới cắm mốc đến mỏ Sọc Phày				
	Đoạn từ ngã ba đường liên xã Sỹ Hai đi Tổng Cột vào đến trung tâm xóm Pài Bá.				
	Đoạn từ Quốc lộ 4A vào đến hết Đồn 125 Tả Cán Tổng Cột.	304	228	171	137
	Đoạn từ Quốc lộ 4A vào xóm Lũng Ái				
	Đường giao thông nông thôn Kéo Sỹ, Lũng Rỳ, Kéo Nhãn, Lũng Giồng, Ngừm Luông				
2	Xã Lũng Nặm				
	Từ chân dốc Lũng Đá theo Quốc lộ 4A đến trạm ngắt điện Bó Thon				
	Từ trạm ngắt điện Bó Thon đến đường rẽ xuống xóm Tổng Bó				
	Từ ngã ba đường Quốc lộ 4A (nhà ông Mã Văn Thàng, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 78) theo đường Lũng Nặm - Vân An đến cống thoát nước (hết thửa đất nhà ông Nông Văn Khuây, thửa đất số 5, tờ bản đồ số 71)	420	315	236	189
	Từ tiếp giáp thửa đất ông Nông Văn Khuây (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 71) đến Nặm Thuôm (hết đất nhà ông Hoàng Văn Cảnh (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 72)	358	269	201	161
	Từ ngã ba Bó Ngán đến ngã ba nhà văn hóa xóm Nặm Nhũng Bản - Thín Tăng				

VCC

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba Bó Nhảo đến hết cống thoát nước gần nhà ông Hoàng Văn Đo (thửa đất số 129, tờ bản đồ số 10)				
	Từ Hẻm Lũng Đá đến hết địa phận xã Lũng Nặm giáp xã Kéo Yên.				
	Đoạn từ Nặm Thuồm đến hết địa phận xã Lũng Nặm giáp xã Vân An				
	Đoạn từ đường rẽ xuống xóm Tổng Pò đến hết địa phận xã Lũng Nặm				
	Đoạn đường Lũng Nặm - Vân An rẽ lên đường Kéo Hai - Kéo Quyển đến hết đoạn đường cấp phối xóm Kéo Quyển.	304	228	171	137
	Đoạn đường Lũng Nặm - Kéo Yên (đường di mốc 681) rẽ vào đường Nặm Sấn đến nhà văn hóa xóm Nặm Sấn				
	Đoạn đường từ cống thoát nước (gần nhà ông Hoàng Văn Đo (thửa đất số 129, tờ bản đồ số 10)) đến hết địa phận xã Lũng Nặm				
	Đoạn từ Thúy Cũ đến gốc cây vải (đến hết nhà ông Vương Văn Sơn (thửa đất số 226, tờ bản đồ số 69))				
3	Xã Quý Quân				
	Từ đầu địa phận xóm Bản Láp đến cầu Lão Lường				
	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường vào xóm Nà Pò	270	203	152	122
	Từ cầu Lão Lường theo đường chính qua xóm Bắc Phương đến hết nhà ông Nông Văn Kiên (Thửa đất số 174, tờ bản đồ 66) (xóm Khuổi Tầu)	230	173	129	103
	Từ Trạm Y tế xã qua xóm Khuổi Luông đến Kéo Co Pheo (giáp thị trấn Xuân Hòa)				
4	Xã Kéo Yên				
	Đoạn từ nhà ông Vương Văn Hải (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 3) (xóm Nặm Rằng) đến mốc Quốc gia 681 (xóm Nặm Rằng)				
	Từ đoạn đường cua cạnh rẫy ông Bế Văn Sảng (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 49) (Co Lý) theo Quốc lộ 4A đến đỉnh dốc Kéo Tỏi (xóm Rằng Rụng)	270	203	152	122
	Đoạn từ đường rẽ ngã ba giao thông liên thôn xóm Pá Rản lên xóm Lũng Luông đến chân dốc Đông Hẩu (xóm Tả Rản)				
	Đoạn đường từ chân dốc rẫy ông Hoàng Văn Hòn (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 20) dọc theo đường giao thông đến hết xóm Lũng Tú	230	173	129	103
	Đầu làng Bó Sóp đi Pác Pó hết địa phận xã Kéo Yên				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ sau nhà ông Hoàng Văn Lý (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 76) xóm Pá Rản theo đường giao thông liên thôn đến nhà văn hóa xóm Lũng Sáng				
	Đoạn từ đường giao thông liên thôn Lũng Luông – Sí Ngải				
	Đoạn từ Rặng Mò xóm Rặng Rụng theo đường giao thông nông thôn đến xóm Rặng Púm				
	Đoạn rẽ từ đường đi mốc 681 Nặm Rặng xuống Xóm Cây Tắc đến bãi quay xe xóm Cây Tắc				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Lý (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 76) xóm Pá Rản đến nhà ông Lý Văn Cẩm (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 78) xóm Pá Rản.				
	Đoạn từ cửa gương cầu Co Lý theo đường giao thông Kéo Yên đi Vân Dính đến mốc địa giới hành chính Kéo Yên - Vân Dính	196	147	110	88
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 4A đến nhà văn hóa xóm Phia Đó				
	Đoạn ngã ba rẽ vào Rặng Púm đi đến nhà văn hóa xóm Lũng Sáng				
5	Xã Thượng Thôn				
	Từ ngã ba Lũng Mùm đến giáp đỉnh dốc Lũng Táy; khu vực xung quanh chợ xã và trụ sở Ủy ban nhân dân xã	420	315	236	189
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 4A theo trục đường đi xã Hồng Sỹ đến ngã ba đường đi xóm Cả Giang				
	Theo Quốc lộ 4A từ đỉnh dốc Lũng Táy đến ranh giới mốc giáp với xã Nội Thôn (Lũng Tùng)				
	Từ ngã ba Lũng Mùm đến hết làng Lũng Tản				
	Từ ngã ba Tổng Cáng theo đường liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ đến nhà ông Đàm Văn Hồng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 63) xóm Nặm Giặt				
	Đoạn đường từ nhà ông Đàm Văn Hồng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 63) xóm Nặm Giặt đi hết địa phận xã Thượng Thôn giáp xã Hồng Sỹ				
	Đoạn đường từ đường liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ rẽ đi xóm Cả Thổ, đến phân trường Tiểu học xóm Cả Giang	358	269	201	161
	Đoạn từ nhà Nông Thế Tài (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 76) xóm Tổng Cáng đi hết xóm Tầm Poóng hết địa phận xã Thượng Thôn giáp xã Vân Dính				
	Từ nhà ông Lưu Văn Hương (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42) xóm Thượng Sơn đến nhà ông Sầm Văn Hội (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 45) xóm Lũng Hóng				
	Đường rẽ liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ rẽ vào				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	xóm Lũng Hòa đến nhà ông Liêu Văn Thi (thửa đất số 51, tờ bản đồ số 82)				
	Đường rẽ Quốc lộ 4A ngã 3 Lũng Pang đi vào hết nhóm Lũng Rị - Tràng Lý				
6	Xã Nội Thôn				
	Đoạn từ Kéo Lác Mạ theo Quốc lộ 4A đến hết nhà ông Hoàng Văn Sỹ (thửa đất số 67, tờ bản đồ số 110) (xóm Lũng Rị)	270	203	152	122
	Theo Quốc lộ 4A từ Kéo Lác Mạ đến hết xóm Lũng Rại				
	Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Sỹ (thửa đất số 67, tờ bản đồ số 110) (xóm Lũng Rị) đến hết kéo Lũng Tùng				
	Đoạn đường từ kéo Pò Cả Liu xóm Nhị Tảo đến xóm Kéo Lạc Mạ				
	Đoạn từ xóm Kéo Lạc Mạ đến bãi rác xóm Rủ Rả				
	Đoạn từ ngã ba Pò Rài đến nhà ông Dương Văn Quân (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 40) xóm Cả Rẻ				
	Đoạn từ Kéo Lũng Pét Ngườm Vải đến Lũng Xuân - Cốc Sâu				
	Đoạn giáp đường Quốc lộ 4A đến hết xóm Nhị Tảo (nhóm trên)				
	Đoạn giáp đường Quốc lộ 4A đến hết xóm Lũng Mão (nhóm ngoài)	230	173	129	103
	Đoạn giáp đường quốc lộ 4A đến Lũng Púng - nhà văn hóa xóm Lũng Chuông				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Lũng Chuông đến Kéo Úng Áng				
	Đoạn từ Chặng Ái xóm Pác Hoan đến nhà văn hóa xóm Lũng Chuông				
	Đoạn từ nhà Văn Hóa xóm Lũng Chuông đến nhà văn hóa xóm Làng Lý				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Làng Lý đến hết nhà ông Trương Văn Thắng (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 30)				
	Đoạn từ nhà ông Dương Văn Quân (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 40) xóm Cả Rẻ đến ngã tư đường xóm Ngườm Vải rẽ đi Lũng Xuân				
7	Xã Vân An				
	Khu vực xóm Pác Có và xóm Co Phầy				
	Từ nhà bia tưởng niệm theo đường đi Ủy ban nhân dân xã đến khu vực trụ sở Ủy ban nhân dân xã	270	203	152	122
	Khu vực xóm Cha Vạc và xóm Lũng Rầu				
	Đoạn đường từ xóm Nặm Đin đi xóm Co Phầy				
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Co Phầy đi xóm Pác Có	230	173	129	103

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Đổng Đeng theo đường liên xã đến hết địa phận xã Vân An giáp xã Cải Viên				
	Đoạn từ ngã ba Thang Thon theo đường liên xã đến hết địa phận xã Vân An giáp xã Lũng Nặm				
	Đoạn đường từ ngã ba rẫy (Lũng Nhùng) nhà ông Hoàng Văn Sớ (thửa đất số 1, tờ bản đồ 52) (xóm Lũng Thốc) đi nhóm Lũng Nặm (xóm Lũng Thốc) đến hết địa phận xã Vân An giáp xã Lũng Nặm				
	Đường từ ngã ba Kéo Quang đi xóm Bản Khêng đến hết địa phận xã Vân An giáp xã Nội Thôn				
	Đường từ xóm Nặm Đin đi xóm Cô Mười, xã Vân An.				
	Đoạn từ ngã ba xóm Pác Có đi đến mốc 696				
	Đoạn từ ngã ba xóm Nhi Đú đến hết nhà ông Hoàng Văn Hà (thửa đất số 378, tờ bản đồ số 27)				
8	Xã Cải Viên				
	Đường giao thông liên xã từ ngã ba trường Trung học Cơ sở xã đến hết làng Dốc Nặm				
	Đoạn đường từ làng Dốc Nặm theo đường liên xã đến hết địa phận xã Cải Viên giáp xã Vân An	270	203	152	122
	Đoạn từ đỉnh dốc xóm Lũng Pán đến trường tiểu học xã.				
	Đoạn từ ngã ba Mẻ Bao đến nhà văn hóa xóm Tả Piếu				
	Đoạn từ ngã ba Sam Sảo đến nhà văn hóa xóm Nặm Niệc				
	Đoạn từ xóm Chông Mạ theo đường phân giới cắm mốc đến hết địa phận xã Cải Viên giáp xã Nội Thôn	230	173	129	103
	Từ xóm Chông Mạ theo đường giao thông nông thôn đến hết nhà ông Nông Văn Thời (thửa đất số 3, tờ bản đồ 56) nhóm hộ Lũng Tả thuộc xóm Chông Mạ.				
	Từ ngã ba đỉnh dốc xóm Lũng Pán đến nhóm hộ Eng Mây thuộc xóm Lũng Pán trên địa bàn xã				
9	Xã Sỹ Hai				
	Trục đường liên xã đoạn từ ngã ba Lũng Pèn theo đường Sỹ Hai - Tổng Cột đến hết nhà bà Hoàng Thị Quế (tờ bản đồ số 27, thửa đất số 113) (xóm Nặm Thuồm)	270	203	152	122
	Đoạn từ ngã ba Lũng Pèn theo đường liên xã đến ngã ba vào hồ nước xóm Lũng Túp				
	Đoạn từ tiếp giáp nhà bà Hoàng Thị Quế (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 27) (xóm Nặm Thuồm) đến hết nhà ông Ngô Văn Thịnh (thửa đất số 78, tờ bản	230	173	129	103

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	đồ 63)				
	Đường liên xã Sỹ Hai - Hồng Sỹ theo hướng đi xã Hồng Sỹ đoạn từ ngã ba xóm Kính Trên đi đến hết đất nhà ông Nông Văn Xanh (thửa đất số 7, tờ bản đồ 41) (xóm Kính Trên)				
	Đường liên xã Sỹ Hai - Hồng Sỹ đoạn từ xóm Lũng Túp đến hết xóm Ông Luộc theo địa giới hành chính xã Sỹ Hai				
	Đường liên xã Sỹ Hai - Hồng Sỹ đoạn từ xóm Kính Dưới đến hết địa phận xã Sỹ Hai				
	Đoạn đường xóm Lũng Bông đến xóm Khau Sớ đến hết địa phận xã Sỹ Hai				
10	Xã Mã Ba				
	Đoạn từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ theo tuyến đường Cả Póc - Mạ Ràng đến nhà ông Nông Văn Hòi (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 72)	270	203	152	122
	Đoạn từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ theo tuyến đường Cả Póc đi Bản Đâu đến hết nhà ông Hoàng Văn Dương (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 56)				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Thưởng (thửa đất số 66, tờ bản đồ 43) đến nhà văn hóa xóm Keng Cả	230	173	129	103
	Đường liên xã Mã Ba - Quang Vinh từ nhà ông La Văn Thanh (thửa đất số 55, tờ bản đồ 28) đến hết địa phận xã Mã Ba				
11	Xã Hạ Thôn				
	Đoạn từ Trạm y tế theo đường liên xã đến hết làng Lũng Hủ (đoạn cua có công nước)	270	203	152	122
	Đoạn từ ngã ba Ràng Khoen đến hết làng Lũng Giào				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Kéo Nặm đến xóm Văn Thụ xã Nam Tuấn huyện Hòa An				
	Đoạn từ phân trường Cốc Sa đến Lũng Nhùng	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Ràng Khoen đi Lũng Ràng				
	Đoạn từ phân trường Cốc Sa đến nhà ông Lục Văn Mão				
12	Xã Hồng Sỹ				
	Đoạn đường trục chính từ ngã ba xóm Lũng Kính đi đến hết địa phận xã Hồng Sỹ giáp xã Thượng Thôn	270	203	152	122
	Đoạn từ đường rẽ liên xóm Lũng Dán đến hết nhà ông Lý Văn Vinh xóm Lũng Cẩm				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Làng Linh đến hết nhà ông Đào Văn Hồng (thửa đất số 11 tờ bản đồ số 88) xóm Làng Linh	230	173	129	103

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ trường tiểu học đến hết nhà ông Lục Văn Trương (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 31) xóm Lũng Hóng				
	Đoạn đường từ giáp ranh xã Sỹ Hai hết đến nhà ông Lương Văn Xinh (xóm Lũng Ngần)				
	Đoạn từ trung tâm xã Hồng Sỹ đến trạm biến áp xóm Lũng Ngần				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Pác Táng đến hết nhà ông Vương Văn Thành (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 52) (xóm Sam Phủng)				
	Đoạn từ rẫy nhà ông Đàm Văn Hợi đến hết nhà ông Phan Văn Sơn (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 10) (xóm Lũng Lặc)				
	Đoạn từ Nhà ông Lâu Văn Hồng đến nhà ông Lâu Văn Tu (xóm Lũng Dán)				
	Đoạn từ nhà ông Tô Văn Phúng đến nhà ông Hoàng Văn Sinh (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39) (xóm Pác Táng)				
13	Xã Vân Đình				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Sinh (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 31) đi theo đường đi xã đến nhà ông Mạ Văn Sinh (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32) (xóm Lũng Giàng)				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Sinh (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 31) ngược về theo đường Xuân Hòa – Vân Đình kéo dài đến hết địa phận xã Vân Đình giáp Thị trấn Xuân Hòa	270	203	152	122
	Đoạn đường từ nhà ông Mạ Văn Sinh (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 18) theo đường Vân Đình – Thượng Thôn đến hết nhà ông Dương Văn Dũng (cuối xóm Sỹ Điêng)				
	Đoạn đường từ ngã ba mỏ nước Lũng Tu đi đến xóm Lũng Sang hết nhà ông Trương Văn Dén (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 2)				
	Đoạn đường từ nhà ông Mạ Văn Tu (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 49) (trường tiểu học Lũng Giàng) theo đường liên xóm Lũng Giàng đi Lũng Cuối đến hết đoạn đường cụt.	230	173	129	103
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Dương Văn Vị (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 15) theo đường liên xóm Sỹ Điêng đi Kha Bản đến phân trường Kha Bản.				
	Đoạn đường cụt xóm Lũng Cuối đi đến hết nhà ông Nông Văn Lện (thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)				
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Dương Văn Vị				

H.C.

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	(thửa đất số 2, tờ bản đồ số 15) theo đường liên xóm Sỹ Đĩnh – Kha Bản đến phân trường Kha Bản				

BẢNG 7. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ TẠ TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Xuân Hòa				
1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường ngã ba tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo đường Xuân Hòa - Vân Dính đến hết tường rào Huyện Ủy	1.700	1.275	956	669
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hà Quảng đến cầu Chợ				
	Đoạn từ đường rẽ vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà theo trục Hồ Chí Minh đến cầu Nặm Nhãn				
	Đoạn từ ngã ba rẽ vào chợ huyện đến nhà ông Hoàng Văn Giám (thửa đất số 36, tờ bản đồ số 19-5) và xung quanh chợ				
	Đoạn đường cũ rẽ vào Ủy ban nhân dân huyện từ ngã ba quán ông Hoàng Văn Luân (thửa đất số 80, tờ bản đồ số 18-5) đến nối vào đường Xuân Hòa – Vân Dính hết thửa đất ông Nông Văn Cẩm (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 18-5)				
2	Đường phố loại III				
	Đoạn từ đầu cầu Nặm Nhãn (xóm Nà Vạc) theo trục đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến hết nhà mẫu giáo xóm Đôn Chương	1.152	864	648	454
	Đoạn từ cổng Nhà trẻ Liên Cơ theo đường vào sau chợ đến hết nhà ông Bé Văn Mạc (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 19-5)				
	Đường liên xã Xuân Hoà - Đào Ngạn, đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh ngã ba rẽ vào Hạt Kiểm lâm đến hết nhà ông Phương Quốc Tuấn (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 22-5)				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà đến hết thửa đất của ông Nông Văn Nghị (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 32-5) (tổ Xuân Trường)				
	Đoạn từ ngã tư Đôn Chương theo đường đi Sóc Hà đến đầu cầu Đôn Chương				

KC

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường quốc lộ 4A đến nhà ông Bé Văn Quyết (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 2) (xóm Đôn Chương)				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường rẽ vào trường Trung học Phổ thông Hà Quảng đến giáp trường (Đông Luông Bản Giàng)				
	Đoạn ngã ba rẽ vào trường THCS Xuân Hòa theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến cầu Na Chang				
	Đoạn ngã ba nối vào đường Hồ Chí Minh rẽ vào sân vận động huyện Hà Quảng				
3	Đường phố loại IV				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh rẽ vào nghĩa trang cách nhà quản trang 300 m;				
	Đường Xuân Hoà - Đào Ngạn: Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Phương Quốc Tuấn (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 22-5) đến cầu Hoàng Rê;				
	Đoạn từ cầu Na Chang theo đường Hồ Chí Minh đến hợp tác xã Toàn Năng				
	Đoạn đường từ Trường mẫu giáo xóm Đôn Chương theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn Xuân Hoà (giáp xã Trường Hà).				
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Đào Ngạn rẽ vào bệnh viện đa khoa huyện (đường bê tông).				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh cạnh nhà bà Xoan (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8-5) tổ Xuân Lộc rẽ đi vào xóm Nà Vạc I.				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện trường Tiểu học Xuân Hòa (xóm Nà Vạc II) rẽ đi vào xóm Nà Vạc I.	832	624	468	328
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện nhà ông Như (thửa đất số 258, tờ bản đồ số 9) xóm Bản Giàng I đi vào nhà mẫu giáo đến hết cầu Nà Nọt.				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện thửa đất của ông Tô Quang Nhân (thửa đất số 413, tờ bản đồ số 9) xóm Bản Giàng II rẽ vào xóm Bản Giàng I đến cầu Pả Lầu.				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh qua cạnh máy sát nhà ông Lương Văn Tiến (thửa đất số 81, tờ bản đồ số 8) rẽ vào đến nhà văn hóa xóm.				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện nhà ông Nông Văn Hưng (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 4) xóm Đôn Chương rẽ vào nhà văn hóa xóm vòng qua đến nhà ông Hoàng Văn Khoản (thửa đất số 93, tờ bản đồ số 5).				
	Đoạn nối vào đường cắt trường THCS Xuân Hòa				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	đổi diện nhà ông Lâm Văn Minh (thửa đất số 32-5, tờ bản đồ số 77) rẽ vào đến hết nhà bà Nông Thị Khoa (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 19) (tổ Xuân Đại).				
4	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ Trụ sở Hợp tác xã Toàn Năng theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Phù Ngọc);	498	374	280	196
	Đường Xuân Hoà - Đào Ngạn: Đoạn đường từ cầu Hoàng Rè đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa;				
	Đoạn từ nhà ông Bế Văn Quyết (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 2) (xóm Đôn Chương) theo quốc lộ 4A đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Kéo Yên);				
	Đoạn tiếp tường rào Huyện Ủy theo đường Xuân Hòa - Vân Dính đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Vân Dính).				
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Đào Ngạn rẽ đi xóm Khuổi Pàng.				
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Đào Ngạn rẽ vào trường nghề.	422	317	237	166
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Đào Ngạn rẽ vào xóm Yên Luật I.				
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Đào Ngạn rẽ vào bãi rác hết địa phận thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Quý Quân)				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đi qua cạnh thửa đất của ông Sầm Văn Thọ (thửa đất số 333, tờ bản đồ số 9) rẽ đi vào xóm Bản Giàng I đến nhà ông Bế Văn Hiếu (thửa đất số 226, tờ bản đồ số 9)				

100



PHỤ LỤC SỐ 4
BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020-2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO LẠC
(Kèm theo Nghị quyết số 33/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Trung Du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	65	45	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	45	32	18
2	Xã Miền Núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	61	42	24
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55	39	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	39	27	15

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Trung Du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	42	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	42	29	17
2	Xã Miền Núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	51	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	25	14

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Trung Du	CLN	57	40	27
2	Xã Miền Núi	CLN	48	34	19

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất
			Vùng 1
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xã Trung Du		
	Đất rừng sản xuất	RSX	11
2	Xã Miền Núi		
	Đất rừng sản xuất	RSX	9

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xã Trung Du	NTS	41	28	16
2	Xã Miền Núi	NTS	35	25	14

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Xã Miền Núi					
1	Xã Hồng Trị				
	Các vị trí đất mặt tiền từ tiếp giáp thị trấn Bảo Lạc theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã Hồng Trị (tiếp giáp xã Kim Cúc)	270	203	152	122
2	Xã Bảo Toàn				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục Quốc lộ 34 từ giáp xã Thượng Hà đến giáp xã Vĩnh Quang (huyện Bảo Lâm)	270	203	152	122
3	Xã Cô Ba				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô từ giáp ranh địa giới Thị trấn Bảo Lạc đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	230	173	129	104
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô (đường rẽ từ Nà Tao) đến đầu cầu vượt Sông Gâm và đoạn đường vượt qua đường ngầm vào mốc 589 (khe hồ nháy)	230	173	129	104
4	Xã Cốc Pàng				
	Đất mặt tiền của đoạn đường từ suối Cốc Pàng đến trạm xá (đường đi Đức Hạnh) và đất mặt tiền xung quanh trung tâm chợ Cốc Pàng	358	269	201	161
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô từ đường rẽ từ đầu cầu bê tông xóm Cốc Pàng đi vào mốc 535	358	269	201	161
	Đoạn đường từ Ủy ban cũ đến đoạn đường rẽ đi Khuổi Tằng	304	228	171	137
5	Xã Đình Phùng				
	Các vị trí đất mặt tiền của xã Đình Phùng dọc Quốc lộ 34 mới từ vị trí (giáp xã Huy Giáp) đến hết địa phận xã Đình Phùng (giáp xã Ca Thành huyện nguyên Bình).	270	203	152	122

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Đường tỉnh lộ 202 từ tiếp giáp Xã Yên Lạc (Huyện Nguyên Bình) đến hết địa phận xã Đình Phùng tiếp giáp xã Huy Giáp	230	173	129	104
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường đi Bản Chồi, đi xóm Phiêng Bướng.	196	147	110	88
	Đoạn đường từ đầu cầu treo xóm Phiêng Châu I dọc theo đường giao thông nông thôn đến hết nhà máy thủy Điện Nặm Pát	196	147	110	88
	Đoạn đường từ xóm Lũng Vài giáp xã Huy Giáp theo đường Quốc lộ 34 cũ đến hết địa phận xã Đình Phùng (giáp xã Yên Lạc huyện Nguyên Bình)	196	147	110	88
6	Xã Hồng An				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô đến trung tâm xã	196	147	110	88
7	Xã Huy Giáp				
	Đoạn đường nhà ông Đặng Phụ Tịnh xã Huy Giáp đến giáp ngã ba đường đi xã Xuân trường và các vị trí xung quanh chợ trung tâm và chợ nông sản xã Huy Giáp	420	315	236	189
	Đoạn đường từ cây xăng Bản Ngà (thuộc đất trung tâm cụm xã Huy Giáp) theo Quốc lộ 34 đi Cao Bằng đến hết địa phận Xã Huy Giáp, giáp xã Đình Phùng	420	315	236	189
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 34 lên Bản Ngà dọc theo đường 215 đến điểm trường Bản Ngà	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba đi Pác Lũng rẽ đi đường xã Xuân Trường đến Trường bán trú xã Huy Giáp.	358	269	201	161
	Đoạn đường từ cây xăng Bản Ngà theo Quốc lộ 34 mới đến hết địa phận xã Huy Giáp (Giáp xã Hưng Đạo)	270	203	152	122
	Đường tỉnh lộ 202 đoạn từ tiếp giáp xã Đình Phùng qua địa phận xã Huy Giáp đến tiếp giáp xã Hưng Đạo.	270	203	152	122
8	Xã Hưng Đạo				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Đất mặt tiền theo trục Quốc lộ 34 từ trường trung học cơ sở xã Hưng Đạo đến cây đa trường tiểu học (cũ) và đất xung quanh chợ mới xã Hưng Đạo	304	228	171	137
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục Quốc lộ 34 mới đoạn từ tiếp giáp Trường THCS đến hết địa giới xã Hưng Đạo (giáp xã Huy Giáp) và đoạn từ cây đa xóm Bản Riễn đến hết địa giới xã Hưng Đạo (giáp xã Kim Cúc)	270	203	152	122
9	Xã Hưng Thịnh				
	Các vị trí đất mặt tiền từ ngã ba Kim Cúc lên đến hết xóm Khuổi Mực	230	173	129	104
10	Xã Kim Cúc				
	Các vị trí đất mặt tiền từ tiếp giáp xã Hồng trị theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã Kim Cúc (giáp xã Hưng Thịnh)	270	203	152	122
11	Xã Khánh Xuân				
	Các vị trí đất mặt tiền theo đường ô tô từ giáp ranh địa giới thị trấn (Pác Pẹt) đến trụ sở UBND xã	230	173	129	104
	Đoạn đường từ đầu cầu vượt Sông Gâm đến cầu ngầm vào mốc 589 (khe hồ nhảy)	230	173	129	104
12	Xã Phan Thanh				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô giáp ranh địa giới thị trấn đi đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	230	173	129	104
13	Xã Sơn Lập				
	Các vị trí đất mặt tiền dọc theo trục đường ô tô từ giáp Xã Sơn Lộ đến UBND Xã Sơn Lập	196	147	110	88
	Các vị trí đất trung tâm xã Sơn Lập	196	147	110	88
14	Xã Sơn Lộ				
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Bản Tuồng qua UBND Xã đến giáp đất Bằng Thành - Pác Nặm	230	173	129	104
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Bản Tuồng theo đường Sơn Lập đến khe suối Bản Khuông và đất xung quanh chợ xã Sơn Lộ	230	173	129	104

HCO

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Đoạn từ ngã ba bản Khuông theo đường đi xã Hưng Thịnh đến điểm trường tiểu học cũ	230	173	129	104
15	Xã Thượng Hà				
	Đất mặt tiền từ Phiêng Sinh (giáp Bảo Lạc) theo đường 217 đến giáp xã Cốc Pàng	270	203	152	122
	Đoạn đường từ tiếp giáp thị trấn Bảo Lạc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Thượng Hà (giáp xã Bảo Toàn).	270	203	152	122
16	Xã Xuân Trường				
	Đoạn đường từ chân dốc Ngâm Pá Thốc dọc Quốc lộ 4A đến Cẩm Bể	270	203	152	122
	Đoạn đường từ ngã ba truyền hình dọc theo tỉnh lộ 215 đến đập tràn Thua Tổng	270	203	152	122

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Thị trấn Bảo Lạc				
1	Đường loại II				
	Đoạn đường từ cổng Bru điện dọc theo tuyến phố đến hết nhà ông Trần Văn Phúc (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 77) ngã ba đầu cầu Gò Luông				
	Đoạn đường từ nhà ông Tô Văn Thắm (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 76) (Khu 2) đến sát cầu thị trấn (nhà Bà Lữ Thị Tươi (thửa đất số 130, tờ bản đồ số 76)	2.433	1.825	1.369	958
	Đoạn đường vào khu 4 đến nhà ông Trần Văn Quyền (thửa đất số 162, tờ bản đồ số 76)				
	Đoạn đường bờ sông tiếp giáp cầu Bảo Lạc 2 (Trung tâm chợ) đến hết nhà ông Trần Văn Phúc (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 77) Tổ dân phố 3 (ngã ba cầu gò Luông)				

100

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Đoạn đường phía sau Tổ dân phố 2 từ giáp cầu Bảo Lạc 2 theo bờ kè sông Nieu lên giáp vườn Phương Văn Níp (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 75) Tổ dân phố 2 (giáp đường bê tông lên Điện lực)				
	Đoạn từ nhà bà Lê Mai Hoa (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 76) (Khu 2) đến giáp đường bê tông cạnh Điện lực				
2	Đường loại III				
	Đoạn giáp đường rẽ đi xã Phan Thanh (ngã ba cầu gò Luồng) đi qua Tổ dân phố 9 đi xã Khánh xuân đến nhà bà Mông Thị Tươi (thửa đất số 351, tờ bản đồ số 32) (Tổ dân phố 9)				
	Đoạn từ giáp ranh công sát Bưu điện theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Nông Hoàng Hà (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 88) (Tổ dân phố 10)	1.654	1.241	930	651
	Đoạn đường dọc Quốc lộ 34 đường đi Bảo Lâm từ nhà ông Đàm Trí Tuệ (thửa đất số 49, tờ bản đồ số 76) (Khu 2) đến giáp đoạn đường tránh Quốc Lộ 34 (Nhà ông Lý Hải Hầu (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 66)				
3	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Hoàng Hà (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 88) (Tổ dân phố 10) đến chùa Vân An				
	Đoạn tiếp giáp từ nhà ông Bế Kim Doanh (thửa đất số 139, tờ bản đồ số 72) lên đến cổng Huyện đội.				
	Đoạn đường từ ngã ba chùa Vân An dọc theo đường tránh Quốc lộ 34 đến nhà ông Phan Công Hoan (thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12) (Tổ dân phố 8)	1.121	841	631	441
	Đoạn đường từ vườn Phương Văn Níp (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 75) (Tổ dân phố 2) theo đường bờ kè sông Nieu lên Tổ dân phố 10				
4	Đường loại V				
	Đoạn đường từ tiếp giáp xóm Phiêng Sinh (xã Thượng Hà) theo đường 217 đi xóm Nà sài hết địa phận Thị Trấn Bảo Lạc (giáp xã Cô Ba)	810	608	456	319



H.C.

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Đoạn đường từ nhà ông Phan Công Hoan (thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12) dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới hành chính trị trấn Bảo Lạc (giáp xã Thượng Hà)				
	Đoạn đường từ ngã ba chùa Vân An theo Quốc lộ 34 đến giáp địa phận xã Hồng Trị				



HCG



PHỤ LỤC SỐ 3
BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 – 2024
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÀ QUẢNG
(Kèm theo Nghị quyết số 33/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	96	67	38
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	76	53	30
	Đất trồng lúa nương	LUN	53	37	22
2	Xã trung du				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	84	60	34
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	66	47	26
	Đất trồng lúa nương	LUN	47	32	19
3	Xã miền núi				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	72	50	29
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	54	38	22
	Đất trồng lúa nương	LUN	38	26	16

BẢNG 2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	68	48	28
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	48	34	19
2	Xã trung du				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	59	41	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	41	29	17
3	Xã miền núi				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	50	35	20
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	35	24	14

BẢNG 3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	CLN	62	46	32

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
2	Xã trung du	CLN	53	37	22
3	Xã miền núi	CLN	44	31	18

BẢNG 4. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất
1	Xã đồng bằng	RXS	13
2	Xã trung du	RXS	11
3	Xã miền núi	RXS	9

BẢNG 5. GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Loại xã	MĐSD	Giá đất		
			Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Xã đồng bằng	NTS	44	31	18
2	Xã trung du	NTS	38	28	16
3	Xã miền núi	NTS	32	23	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Xã Trung Du				
1	Xã Đào Ngạn				
	Đoạn từ đỉnh dốc Pá Deng theo trục đường chính qua xã đến hết nhà bà Vi Thị Nanh (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 9) (xóm Bản Nưa)				
	Đoạn từ ngã ba Phía Hính qua xóm Kéo Chang đến xóm Kê Hiệt đến hết đất nhà ông Vương Văn Tường (thửa đất số 295, tờ bản đồ số 27) (xóm Kê Hiệt)	358	269	201	161
	Đoạn từ đường chính gốc cây đa rẽ vào đến hết chân đập Hồ Bản Nưa				
2	Xã Phù Ngọc				
	Từ đường Hồ Chí Minh theo đường vào cổng trường Trung học Phổ thông Nà Giàng đến cổng trường				
	Từ công nước (cua Cốc Đức) trên nhà ông Triệu Văn Thuật theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến đỉnh dốc Sam Kha	734	551	413	330
	Từ ngã ba trục đường Hồ Chí Minh theo đường				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	liên xã Phù Ngọc - Hạ Thôn đến chân dốc Noóc Mò				
	Từ trục đường chính Hồ Chí Minh rẽ vào chợ và xung quanh chợ				
	Từ đất nhà ông Nông Văn Chín (xóm Cốc Chủ) theo đường Hồ Chí Minh đi xuống đến hết mốc ranh giới xã Phù Ngọc giáp xã Nam Tuấn huyện Hoà An (Khau Mát)	640	480	360	288
	Từ cống nước (cua Cốc Đúc) theo trục đường Hồ Chí Minh lên đến điểm mốc ranh giới thị trấn Xuân Hoà (dốc Kéo Mạ)				
	Đoạn đường từ ngã ba đường Hồ Chí Minh theo đường vào Trạm y tế đến ngã ba đường rẽ lên trường Tiểu học Nà Giàng và Trạm y tế	420	315	236	189
	Từ đỉnh dốc Sam Kha theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến Nà Lum xóm Cốc Chủ (giáp đất nhà ông Nông Văn Chín xóm Cốc Chủ)				
	Đường Phù Ngọc - Đào Ngạn đoạn từ tiếp giáp với đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Phù Ngọc (đỉnh dốc Pá Deng)				
3	Xã Trường Hà				
	Đoạn từ tiếp giáp thị trấn Xuân Hòa theo đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến hết đường rẽ vào bản Hoong				
	Đoạn đường từ trung tâm chợ xã Trường Hà theo đường đi Pác Bó đến hết nhà ông Hoàng Văn Duy (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 15) (xóm Bó Bầm)	420	315	236	189
	Từ sân Bảo tàng Pác Bó theo đường nội vùng Pác Bó đến điểm trường Pác Bó				
	Đoạn đường đi bộ Hồ Chí Minh từ đầu xóm Nà Kéo đi qua khu di tích Kim Đồng đến hết xóm Hoàng 2				
	Đoạn đường từ đường rẽ vào Bản Hoong (thửa đất số 49, tờ bản đồ số 50) theo đường Hồ Chí Minh đến chợ xã Trường Hà				
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (chân dốc Kéo Già) theo đường làng nghề, làng du lịch qua cầu Nà Rài đến hết nhà bà La Thị Bích (thửa đất số 163, tờ bản đồ số 36)	358	269	201	161
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) (trước nhà ông Đàm Nông Cháp (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 40) theo đường làng nghề, làng du lịch đến cầu Bản Hoong				
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (Nhà văn hoá xóm Nà Mạ) theo đường vào đồi Thoong Mạ đến đầu				

HCC

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	cầu bên kia suối				
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo đường vào Nhà máy Thủy điện Bản Hoàng đến công nhà máy				
	Đoạn đường Nà Piài xóm Bản Hoong từ đầu nhà ông Bế Văn Sóng (thửa đất số 528, tờ bản đồ số 37) đến giáp biển báo đường vành đai biên giới				
4	Xã Nà Sác				
	Đoạn đường từ đầu cầu Đôn Chương theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Nà Sác (giáp xã Sóc Hà)	420	315	236	189
	Đoạn đường từ ngã ba đường vào trụ sở UBND xã Nà Sác đến ngã ba Ngâm Sinh	358	269	201	161
5	Xã Sóc Hà				
	Đoạn trục đường chính từ nhà ông Nông Văn Ca (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 18) đến trạm liên hợp cửa khẩu				
	Đoạn từ đường tròn cửa khẩu (nhà ông Hoàng Văn Đức (thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8)) đến cống thoát nước tại thửa ruộng ông Nông Văn Quýnh (thửa đất số 224, tờ bản đồ số 26))	1.560	1.170	878	702
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh tiếp giáp với ruộng ông Nông Văn Quýnh (thửa đất số 224, tờ bản đồ số 26)) theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết ngã ba giáp xã Nà Sác				
	Đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Nông Văn Ca (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 18) theo đường trục chính đến đường rẽ vào cầu Cốc Vường	936	702	527	421
	Đoạn đường từ đường rẽ vào cầu Cốc Vường theo đường 203 cũ đến hết đất trường mẫu giáo xã				
	Từ phòng khám đa khoa theo trục đường chính vào cửa khẩu đến nhà mầm non của xã	734	551	413	330
	Từ ngã ba trục chính đi vào cửa khẩu, rẽ vào chợ đến đầu cầu Pác Sào (cầu Pháp cũ) xóm Nà Nghiêng				
	Đoạn từ phòng khám đa khoa theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Sóc Hà (giáp xã Nà Sác)	600	450	338	270
	Đường tránh từ đầu cầu Thua Mo đến cầu Nà Nghiêng				
	Đoạn từ đầu cầu Pác Sào (cầu Pháp cũ) theo đường đi xóm Nà Cháo đến nhà ông Triệu Văn Tiết (thửa đất số 269, tờ bản đồ số 69) (xóm Nà Cháo)	420	315	236	189
	Từ ngã ba rẽ vào cầu Cốc Vường theo đường vành đai đến nhà cộng đồng xóm Nà Phái				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh từ nhà ông				

100

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Nông Hoàng Thành (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 8) theo đường tuần tra biên giới đến đường rẽ vào nhà bà Dương Thị Trinh (thửa đất số 262, tờ bản đồ số 8) khu vực Nà Cà xóm Địa Lan				
	Đoạn đường Nà Nghiêng – Lũng Cùm từ cầu Pháp cũ (xóm Nà Nghiêng) đến hết đám ruộng ông Nông Văn Viễn (thửa đất số 204, tờ bản đồ số 44) (xóm Nà Nghiêng)				
II	Xã Miên Núi				
1	Xã Tổng Cọt				
	Đoạn từ chợ Trâu bò (ngã ba rẽ vào Trường trung học cơ sở Tổng Cọt) đến ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai, đường rẽ vào chợ và xung quanh chợ	420	315	236	189
	Đoạn từ chợ Trâu bò xuống đến hết Trường tiểu học				
	Đoạn từ trường tiểu học theo Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Tổng Cọt giáp xã Cô Mười (huyện Trà Lĩnh)				
	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai theo Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Tổng Cọt	358	269	201	161
	Quốc lộ 4A theo đường phân giới cắm mốc đến mỏ Sọc Phây				
	Đoạn từ ngã ba đường liên xã Sỹ Hai đi Tổng Cọt vào đến trung tâm xóm Pài Bá.				
	Đoạn từ Quốc lộ 4A vào đến hết Đồn 125 Tả Cán Tổng Cọt.	304	228	171	137
	Đoạn từ Quốc lộ 4A vào xóm Lũng Ái				
	Đường giao thông nông thôn Kéo Sỹ, Lũng Rỳ, Kéo Nhân, Lũng Giồng, Ngườm Luông				
2	Xã Lũng Nặm				
	Từ chân dốc Lũng Đá theo Quốc lộ 4A đến trạm ngắt điện Bó Thon				
	Từ trạm ngắt điện Bó Thon đến đường rẽ xuống xóm Tổng Bỏ				
	Từ ngã ba đường Quốc lộ 4A (nhà ông Mã Văn Thành, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 78) theo đường Lũng Nặm - Vân An đến cống thoát nước (hết thửa đất nhà ông Nông Văn Khuây, thửa đất số 5, tờ bản đồ số 71)	420	315	236	189
	Từ tiếp giáp thửa đất ông Nông Văn Khuây (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 71) đến Nặm Thuồm (hết đất nhà ông Hoàng Văn Cảnh (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 72)	358	269	201	161
	Từ ngã ba Bó Ngán đến ngã ba nhà văn hóa xóm Nặm Nhũng Bản - Thín Tăng				

100

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba Bó Nháo đến hết cống thoát nước gần nhà ông Hoàng Văn Đo (thửa đất số 129, tờ bản đồ số 10)				
	Từ Hùm Lũng Đá đến hết địa phận xã Lũng Nặm giáp xã Kéo Yên.				
	Đoạn từ Nặm Thuôm đến hết địa phận xã Lũng Nặm giáp xã Vân An				
	Đoạn từ đường rẽ xuống xóm Tổng Pỏ đến hết địa phận xã Lũng Nặm				
	Đoạn đường Lũng Nặm - Vân An rẽ lên đường Kéo Hai - Kéo Quyển đến hết đoạn đường cấp phối xóm Kéo Quyển.	304	228	171	137
	Đoạn đường Lũng Nặm - Kéo Yên (đường di mốc 681) rẽ vào đường Nặm Sấn đến nhà văn hóa xóm Nặm Sấn				
	Đoạn đường từ cống thoát nước (gần nhà ông Hoàng Văn Đo (thửa đất số 129, tờ bản đồ số 10)) đến hết địa phận xã Lũng Nặm				
	Đoạn từ Thúy Cũ đến gốc cây vải (đến hết nhà ông Vương Văn Sơn (thửa đất số 226, tờ bản đồ số 69))				
3	Xã Quý Quân				
	Từ đầu địa phận xóm Bản Láp đến cầu Lão Lường				
	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường vào xóm Nà Pò	270	203	152	122
	Từ cầu Lão Lường theo đường chính qua xóm Bắc Phương đến hết nhà ông Nông Văn Kiên (Thửa đất số 174, tờ bản đồ 66) (xóm Khuổi Tầu)	230	173	129	103
	Từ Trạm Y tế xã qua xóm Khuổi Luông đến Kéo Co Pheo (giáp thị trấn Xuân Hòa)				
4	Xã Kéo Yên				
	Đoạn từ nhà ông Vương Văn Hải (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 3) (xóm Nặm Rằng) đến mốc Quốc gia 681 (xóm Nặm Rằng)				
	Từ đoạn đường cua cạnh rẫy ông Bé Văn Sáng (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 49) (Co Lý) theo Quốc lộ 4A đến đỉnh dốc Kéo Tỏi (xóm Rằng Rụng)	270	203	152	122
	Đoạn từ đường rẽ ngã ba giao thông liên thôn xóm Pá Rản lên xóm Lũng Luông đến chân dốc Đông Hâu (xóm Tả Rản)				
	Đoạn đường từ chân dốc rẫy ông Hoàng Văn Hỏn (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 20) dọc theo đường giao thông đến hết xóm Lũng Tú	230	173	129	103
	Đầu làng Bó Sóp đi Pác Pỏ hết địa phận xã Kéo Yên				

100

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ sau nhà ông Hoàng Văn Lý (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 76) xóm Pá Rản theo đường giao thông liên thôn đến nhà văn hóa xóm Lũng Sáng				
	Đoạn từ đường giao thông liên thôn Lũng Luông – Sí Ngải				
	Đoạn từ Rặng Mò xóm Rặng Rụng theo đường giao thông nông thôn đến xóm Rặng Púm				
	Đoạn rẽ từ đường đi mốc 681 Nặm Rặng xuống Xóm Cây Tắc đến bãi quay xe xóm Cây Tắc				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Lý (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 76) xóm Pá Rản đến nhà ông Lý Văn Cẩm (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 78) xóm Pá Rản.				
	Đoạn từ cửa gương cầu Co Lý theo đường giao thông Kéo Yên đi Vân Dính đến mốc địa giới hành chính Kéo Yên - Vân Dính	196	147	110	88
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 4A đến nhà văn hóa xóm Phia Đó				
	Đoạn ngã ba rẽ vào Rặng Púm đi đến nhà văn hóa xóm Lũng Sáng				
5	Xã Thượng Thôn				
	Từ ngã ba Lũng Mùm đến giáp đỉnh dốc Lũng Táy; khu vực xung quanh chợ xã và trụ sở Ủy ban nhân dân xã	420	315	236	189
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 4A theo trục đường đi xã Hồng Sỹ đến ngã ba đường đi xóm Cả Giang				
	Theo Quốc lộ 4A từ đỉnh dốc Lũng Táy đến ranh giới mốc giáp với xã Nội Thôn (Lũng Túng)				
	Từ ngã ba Lũng Mùm đến hết làng Lũng Tân				
	Từ ngã ba Tổng Cáng theo đường liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ đến nhà ông Đàm Văn Hồng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 63) xóm Nặm Giạt				
	Đoạn đường từ nhà ông Đàm Văn Hồng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 63) xóm Nặm Giạt đi hết địa phận xã Thượng Thôn giáp xã Hồng Sỹ				
	Đoạn đường từ đường liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ rẽ đi xóm Cả Thổ, đến phân trường Tiểu học xóm Cả Giang	358	269	201	161
	Đoạn từ nhà Nông Thế Tài (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 76) xóm Tổng Cáng đi hết xóm Tăm Poóng hết địa phận xã Thượng Thôn giáp xã Vân Dính				
	Từ nhà ông Lưu Văn Hương (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42) xóm Thượng Sơn đến nhà ông Sầm Văn Hội (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 45) xóm Lũng Hóng				
	Đường rẽ liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ rẽ vào				

100

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	xóm Lũng Hòa đến nhà ông Liêu Văn Thi (thửa đất số 51, tờ bản đồ số 82)				
	Đường rẽ Quốc lộ 4A ngã 3 Lũng Pang đi vào hết nhóm Lũng Rì - Tràng Lý				
6	Xã Nội Thôn				
	Đoạn từ Kéo Lác Mạ theo Quốc lộ 4A đến hết nhà ông Hoàng Văn Sỹ (thửa đất số 67, tờ bản đồ số 110) (xóm Lũng Rì)	270	203	152	122
	Theo Quốc lộ 4A từ Kéo Lác Mạ đến hết xóm Lũng Rại				
	Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Sỹ (thửa đất số 67, tờ bản đồ số 110) (xóm Lũng Rì) đến hết kéo Lũng Tùng				
	Đoạn đường từ kéo Pò Cả Liu xóm Nhị Tảo đến xóm Kéo Lạc Mạ				
	Đoạn từ xóm Kéo Lạc Mạ đến bãi rác xóm Rủ Rả				
	Đoạn từ ngã ba Pò Rài đến nhà ông Dương Văn Quân (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 40) xóm Cả Rẻ				
	Đoạn từ Kéo Lũng Pét Ngườm Vải đến Lũng Xuân - Cốc Sâu				
	Đoạn giáp đường Quốc lộ 4A đến hết xóm Nhị Tảo (nhóm trên)				
	Đoạn giáp đường Quốc lộ 4A đến hết xóm Lũng Mào (nhóm ngoài)	230	173	129	103
	Đoạn giáp đường quốc lộ 4A đến Lũng Púng - nhà văn hóa xóm Lũng Chuổng				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Lũng Chuổng đến Kéo Úng Áng				
	Đoạn từ Chặng Ái xóm Pác Hoan đến nhà văn hóa xóm Lũng Chuổng				
	Đoạn từ nhà Văn Hóa xóm Lũng Chuổng đến nhà văn hóa xóm Làng Lý				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Làng Lý đến hết nhà ông Trương Văn Thắng (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 30)				
	Đoạn từ nhà ông Dương Văn Quân (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 40) xóm Cả Rẻ đến ngã tư đường xóm Ngườm Vải rẽ đi Lũng Xuân				
7	Xã Văn An				
	Khu vực xóm Pác Có và xóm Co Phây				
	Từ nhà bia tưởng niệm theo đường đi Ủy ban nhân dân xã đến khu vực trụ sở Ủy ban nhân dân xã	270	203	152	122
	Khu vực xóm Cha Vạc và xóm Lũng Rầu				
	Đoạn đường từ xóm Nặm Đin đi xóm Co Phây				
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Co Phây đi xóm Pác Có	230	173	129	103

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Đổng Đeng theo đường liên xã đến hết địa phận xã Vân An giáp xã Cải Viên				
	Đoạn từ ngã ba Thang Thon theo đường liên xã đến hết địa phận xã Vân An giáp xã Lũng Nặm				
	Đoạn đường từ ngã ba rẫy (Lũng Nhùng) nhà ông Hoàng Văn Sớ (thửa đất số 1, tờ bản đồ 52) (xóm Lũng Thốc) đi nhóm Lũng Nặm (xóm Lũng Thốc) đến hết địa phận xã Vân An giáp xã Lũng Nặm				
	Đường từ ngã ba Kéo Quang đi xóm Bản Khèng đến hết địa phận xã Vân An giáp xã Nội Thôn				
	Đường từ xóm Nặm Đin đi xóm Cô Mười, xã Vân An.				
	Đoạn từ ngã ba xóm Pác Có đi đến mốc 696				
	Đoạn từ ngã ba xóm Nhi Đú đến hết nhà ông Hoàng Văn Hà (thửa đất số 378, tờ bản đồ số 27)				
8	Xã Cải Viên				
	Đường giao thông liên xã từ ngã ba trường Trung học Cơ sở xã đến hết làng Dốc Nặm				
	Đoạn đường từ làng Dốc Nặm theo đường liên xã đến hết địa phận xã Cải Viên giáp xã Vân An	270	203	152	122
	Đoạn từ đỉnh dốc xóm Lũng Pán đến trường tiểu học xã.				
	Đoạn từ ngã ba Mẻ Bao đến nhà văn hóa xóm Tả Piầu				
	Đoạn từ ngã ba Sam Sảo đến nhà văn hóa xóm Nặm Niệc				
	Đoạn từ xóm Chông Mạ theo đường phân giới cắm mốc đến hết địa phận xã Cải Viên giáp xã Nội Thôn	230	173	129	103
	Từ xóm Chông Mạ theo đường giao thông nông thôn đến hết nhà ông Nông Văn Thời (thửa đất số 3, tờ bản đồ 56) nhóm hộ Lũng Tả thuộc xóm Chông Mạ.				
	Từ ngã ba đỉnh dốc xóm Lũng Pán đến nhóm hộ Eng Mây thuộc xóm Lũng Pán trên địa bàn xã				
9	Xã Sỹ Hai				
	Trục đường liên xã đoạn từ ngã ba Lũng Pèn theo đường Sỹ Hai - Tổng Cột đến hết nhà bà Hoàng Thị Quế (tờ bản đồ số 27, thửa đất số 113) (xóm Nặm Thuôm)	270	203	152	122
	Đoạn từ ngã ba Lũng Pèn theo đường liên xã đến ngã ba vào hồ nước xóm Lũng Túp				
	Đoạn từ tiếp giáp nhà bà Hoàng Thị Quế (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 27) (xóm Nặm Thuôm) đến hết nhà ông Ngô Văn Thành (thửa đất số 78, tờ bản	230	173	129	103

100

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	đồ 63)				
	Đường liên xã Sỹ Hai - Hồng Sỹ theo hướng đi xã Hồng Sỹ đoạn từ ngã ba xóm Kính Trên đi đến hết đất nhà ông Nông Văn Xanh (thửa đất số 7, tờ bản đồ 41) (xóm Kính Trên)				
	Đường liên xã Sỹ Hai - Hồng Sỹ đoạn từ xóm Lũng Túp đến hết xóm Ông Luộc theo địa giới hành chính xã Sỹ Hai				
	Đường liên xã Sỹ Hai - Hồng Sỹ đoạn từ xóm Kính Dưới đến hết địa phận xã Sỹ Hai				
	Đoạn đường xóm Lũng Bông đến xóm Khau Sớ đến hết địa phận xã Sỹ Hai				
10	Xã Mã Ba				
	Đoạn từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ theo tuyến đường Cỏ Póc - Mạ Ràng đến nhà ông Nông Văn Hòi (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 72)	270	203	152	122
	Đoạn từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ theo tuyến đường Cỏ Póc đi Bản Đâu đến hết nhà ông Hoàng Văn Dương (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 56)				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Thường (thửa đất số 66, tờ bản đồ 43) đến nhà văn hóa xóm Keng Cả				
	Đường liên xã Mã Ba - Quang Vinh từ nhà ông La Văn Thanh (thửa đất số 55, tờ bản đồ 28) đến hết địa phận xã Mã Ba	230	173	129	103
11	Xã Hạ Thôn				
	Đoạn từ Trạm y tế theo đường liên xã đến hết làng Lũng Hủ (đoạn cua có cống nước)	270	203	152	122
	Đoạn từ ngã ba Ràng Khoen đến hết làng Lũng Giào				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Kéo Nặm đến xóm Văn Thụ xã Nam Tuấn huyện Hòa An				
	Đoạn từ phân trường Cốc Sa đến Lũng Nhùng	230	173	129	103
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Ràng Khoen đi Lũng Ràng				
	Đoạn từ phân trường Cốc Sa đến nhà ông Lục Văn Mão				
12	Xã Hồng Sỹ				
	Đoạn đường trục chính từ ngã ba xóm Lũng Kính đi đến hết địa phận xã Hồng Sỹ giáp xã Thượng Thôn	270	203	152	122
	Đoạn từ đường rẽ liên xóm Lũng Dán đến hết nhà ông Lý Văn Vinh xóm Lũng Cắm				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Làng Linh đến hết nhà ông Đào Văn Hồng (thửa đất số 11 tờ bản đồ số 88) xóm Làng Linh	230	173	129	103

HCB

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ trường tiểu học đến hết nhà ông Lục Văn Trương (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 31) xóm Lũng Hóng				
	Đoạn đường từ giáp ranh xã Sỹ Hai hết đến nhà ông Lương Văn Xinh (xóm Lũng Ngần)				
	Đoạn từ trung tâm xã Hồng Sỹ đến trạm biến áp xóm Lũng Ngần				
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Pác Táng đến hết nhà ông Vương Văn Thành (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 52) (xóm Sam Phủng)				
	Đoạn từ rẫy nhà ông Đàm Văn Hợi đến hết nhà ông Phan Văn Sơn (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 10) (xóm Lũng Lặc)				
	Đoạn từ Nhà ông Lâu Văn Hồng đến nhà ông Lâu Văn Tu (xóm Lũng Dán)				
	Đoạn từ nhà ông Tô Văn Phụng đến nhà ông Hoàng Văn Sinh (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 39) (xóm Pác Táng)				
13	Xã Vân Đình				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Sinh (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 31) đi theo đường đi xã đến nhà ông Mạ Văn Sinh (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 32) (xóm Lũng Giàng)				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Sinh (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 31) ngược về theo đường Xuân Hòa – Vân Đình kéo dài đến hết địa phận xã Vân Đình giáp Thị trấn Xuân Hòa	270	203	152	122
	Đoạn đường từ nhà ông Mạ Văn Sinh (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 18) theo đường Vân Đình – Thượng Thôn đến hết nhà ông Dương Văn Dũng (cuối xóm Sỹ Diêng)				
	Đoạn đường từ ngã ba mỏ nước Lũng Tu đi đến xóm Lũng Sang hết nhà ông Trương Văn Dén (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 2)				
	Đoạn đường từ nhà ông Mạ Văn Tu (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 49) (trường tiểu học Lũng Giàng) theo đường liên xóm Lũng Giàng đi Lũng Cuối đến hết đoạn đường cụt.	230	173	129	103
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Dương Văn Vị (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 15) theo đường liên xóm Sỹ Diêng đi Kha Bản đến phân trường Kha Bản.				
	Đoạn đường cụt xóm Lũng Cuối đi đến hết nhà ông Nông Văn Lện (thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54)				
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Dương Văn Vị				

HC

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	(thửa đất số 2, tờ bản đồ số 15) theo đường liên xóm Sỹ Đìêng – Kha Bản đến phân trường Kha Bản				

BẢNG 7. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ TẠİ ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Thị trấn Xuân Hòa				
1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường ngã ba tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo đường Xuân Hòa - Vân Dính đến hết tường rào Huyện Ủy	1.700	1.275	956	669
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hà Quảng đến cầu Chợ				
	Đoạn từ đường rẽ vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà theo trục Hồ Chí Minh đến cầu Năm Nhãn				
	Đoạn từ ngã ba rẽ vào chợ huyện đến nhà ông Hoàng Văn Giám (thửa đất số 36, tờ bản đồ số 19-5) và xung quanh chợ				
	Đoạn đường cũ rẽ vào Ủy ban nhân dân huyện từ ngã ba quán ông Hoàng Văn Luân (thửa đất số 80, tờ bản đồ số 18-5) đến nối vào đường Xuân Hòa – Vân Dính hết thửa đất ông Nông Văn Cẩm (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 18-5)				
2	Đường phố loại III				
	Đoạn từ đầu cầu Năm Nhãn (xóm Nà Vạc) theo trục đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến hết nhà mẫu giáo xóm Đôn Chương	1.152	864	648	454
	Đoạn từ cổng Nhà trẻ Liên Cơ theo đường vào sau chợ đến hết nhà ông Bé Văn Mạc (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 19-5)				
	Đường liên xã Xuân Hoà - Đào Ngạn, đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh ngã ba rẽ vào Hạt Kiểm lâm đến hết nhà ông Phương Quốc Tuấn (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 22-5)				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà đến hết thửa đất của ông Nông Văn Nghị (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 32-5) (tổ Xuân Trường)				
	Đoạn từ ngã tư Đôn Chương theo đường đi Sóc Hà đến đầu cầu Đôn Chương				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường quốc lộ 4A đến nhà ông Bế Văn Quyết (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 2) (xóm Đôn Chương)				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường rẽ vào trường Trung học Phổ thông Hà Quảng đến giáp trường (Đông Luông Bản Giàng)				
	Đoạn ngã ba rẽ vào trường THCS Xuân Hòa theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến cầu Na Chang				
	Đoạn ngã ba nối vào đường Hồ Chí Minh rẽ vào sân vận động huyện Hà Quảng				
3	Đường phố loại IV				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh rẽ vào nghĩa trang cách nhà quản trang 300 m;				
	Đường Xuân Hoà - Đào Ngạn: Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Phương Quốc Tuấn (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 22-5) đến cầu Hoàng Rê;				
	Đoạn từ cầu Nà Chang theo đường Hồ Chí Minh đến hợp tác xã Toàn Năng				
	Đoạn đường từ Trường mẫu giáo xóm Đôn Chương theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn Xuân Hoà (giáp xã Trường Hà).				
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa – Đào Ngạn rẽ vào bệnh viện đa khoa huyện (đường bê tông).				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh cạnh nhà bà Xoan (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8-5) tổ Xuân Lộc rẽ đi vào xóm Nà Vạc I.				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện trường Tiểu học Xuân Hòa (xóm Nà Vạc II) rẽ đi vào xóm Nà Vạc I.	832	624	468	328
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện nhà ông Như (thửa đất số 258, tờ bản đồ số 9) xóm Bản Giàng I đi vào nhà mẫu giáo đến hết cầu Nà Nọt.				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện thửa đất của ông Tô Quang Nhân (thửa đất số 413, tờ bản đồ số 9) xóm Bản Giàng II rẽ vào xóm Bản Giàng I đến cầu Pả Lầu.				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh qua cạnh máy sát nhà ông Lương Văn Tiến (thửa đất số 81, tờ bản đồ số 8) rẽ vào đến nhà văn hóa xóm.				
	Đoạn nối vào đường Hồ Chí Minh đối diện nhà ông Nông Văn Hưng (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 4) xóm Đôn Chương rẽ vào nhà văn hóa xóm vòng qua đến nhà ông Hoàng Văn Khoản (thửa đất số 93, tờ bản đồ số 5).				
	Đoạn nối vào đường cắt trường THCS Xuân Hòa				

